Signature Not Verified
Digitally signed by Users
Date: 2010.08.16 15:58:37 ICT
Reason:
Location:

UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 35 /2010/QĐ-UBND	*Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2010*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về việc cấp phép khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước trên địa bàn Thành phố Hà Nội

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ban hành ngày 20/5/1998;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ban hành ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ban hành ngày 25/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13/6/2003 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường với nước thải; Nghị định số 04/2007/NĐ-CP ngày 8/1/2007 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13/6/2003;

Căn cứ Nghị định số 162/2003/NĐ-CP ngày 19/12/2003 của Chính phủ ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu, thông tin về tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước; Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thi hành Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 34/2005/NĐ-CP ngày 17/3/2005 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh tài nguyên nước; Thông tư số 05/2005/TT-BTNMT ngày 22/7/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thi hành Nghị định số 34/2005/NĐ-CP ngày 17/3/2005 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12/10/2006 của Bộ Tài nguyên và môi trường ban hành quy định về cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất;

Căn cứ Quyết định số 22/2006/QĐ-BTNMT ngày 18/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường v/v bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2007/TT-BTNMT ngày 3/7/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành hướng dẫn phân loại và quyết định danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường cần phải xử lý;

Căn cứ Quyết định số 13/2007/QĐ-BTNMT ngày 4/9/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về việc điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất;

Căn cứ Quyết định số 14/2007/QĐ-BTNMT ngày 4/9/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về việc xử lý trám lấp giếng không sử dụng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 534/TTr-TNMT-TNN ngày 6 tháng 3 năm 2009; Báo cáo thẩm định số 673/STP-VBPQ ngày 19 tháng 12 năm 2008 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về việc cấp phép khai thác tài nguyên nước và xả nước thải vào lưu vực nguồn nước trên địa bàn Thành phố Hà Nội" và danh mục phụ lục kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế quyết định số 195/QĐ-UB ngày 22/11/2005 của UBND Thành phố Hà nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, Ban, Ngành của Thành phố, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, phường, xã, thị trấn các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Thành uỷ;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Đ/C Chủ tịch UBND TP;
- Các Bộ: TN&MT, XD, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, TC;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Văn phòng Thành uỷ;
- Văn phòng HĐND & ĐĐBQHHN;
- Như Điều 3;
- CPVP, TH, các Phòng CV;
- Trung tâm công báo (để đăng công báo)
- VT, TNđ (3b).

150

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Hồng Khanh

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

V/v cấp phép khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước trên địa bàn Thành phố Hà nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc cấp, gia hạn, thay đổi, đình chỉ, thu hồi trả lại, chuyển quyền sử dụng giấy phép khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước trên địa bàn Thành phố Hà nội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với mọi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) có các hoạt động liên quan đến việc khai thác tài nguyên nước và xả nước thải vào lưu vực nguồn nước trên địa bàn Thành phố Hà nội.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này và các phụ lục kèm theo, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Tài nguyên nước": Bao gồm nước mặt (sông, suối, kênh, mương, hồ, ao...), nước mưa, nước dưới đất.

2. "Nguồn nước": Chỉ các dạng tích tụ nước tự nhiên hoặc nhân tạo.

3. "Lưu vực nguồn nước": Là vùng địa lý mà trong phạm vi đó nước mặt, nước dưới đất tự nhiên chảy vào nguồn nước.

4. "Trữ lượng khai thác nước dưới đất của một vùng": Là lượng nước có thể khai thác được ở vùng đó mà không gây suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, không gây sụt lún. Trữ lượng khai thác nước dưới đất phải nhỏ hơn trữ lượng động trung bình nhiều năm của vùng cộng với trữ lượng cuốn theo.

5. "Chiều sâu mực nước tĩnh": Là chiều sâu mực nước ổn định trước khi khai thác.

6. "Chiều sâu mực nước động": Là chiều sâu mực nước ổn định trong lúc khai thác.

7. "Khai thác gây cạn kiệt nguồn nước dưới đất": Là khai thác nước dưới đất vượt quá trữ lượng khai thác mà biểu hiện là sự hạ thấp liên tục mực nước trung bình hàng năm của vùng trong thời gian khai thác.

8. "Khai thác gây cạn kiệt nguồn nước mặt": Là khai thác nước mặt quá "dòng chảy tối thiểu" của nước sông, suối theo quy định tại Điều 3 Nghị định 120/2008/NĐ-CP ngày 1/12/2008.

9. "Hoạt động gây ô nhiễm nguồn nước": Là các hoạt động làm thay đổi tính chất vật lý, hóa học và thành phần sinh học so với tình trạng ban đầu của nguồn nước, gây tác hại đến môi trường.

10. "Suy thoái, cạn kiệt nguồn nước": Là sự suy giảm về chất lượng và số lượng của nguồn nước.

11. "Thăm dò nước dưới đất": Là sử dụng các phương pháp khảo sát địa chất, địa chất thủy văn để đánh giá, xác định trữ lượng, chất lượng nước dưới đất và dự báo tác động môi trường do khai thác nước gây ra trên một vùng, một khu vực để phục vụ cho các dự án điều tra cơ bản, khai thác nước và công tác quản lý tài nguyên nước.

12. "Thăm dò kết hợp khai thác nước dưới đất": Là thăm dò nước dưới đất mà một hoặc một số lỗ khoan thăm dò được kết cấu thành giếng sử dụng để khai thác.

13. "Công trình khai thác nước dưới đất": Là hệ thống các giếng khoan, giếng đào, hành lang thu nước, được bố trí trên một khu vực có diện tích nhất định, mà khoảng cách giữa chúng nhỏ hơn 1000 mét và hoạt động của chúng có ảnh hưởng lẫn nhau, có lưu lượng khai thác xác định và thuộc sở hữu của một chủ thể.

14. "Lưu lượng của công trình khai thác nước dưới đất": Là tổng lưu lượng mà công trình khai thác trong một đơn vị thời gian.

Trường hợp khoan, đào các giếng, các hành lang khai thác mới nằm trong phạm vi công trình đã có mà khoảng cách giữa các giếng, các hành lang khai thác mới cũng như khoảng cách của chúng tới các giếng, các hành lang đã có nhỏ hơn 1.000 mét thì được quy định là thuộc một công trình. Lưu lượng khai thác của công trình mới bằng tổng lưu lượng của các giếng, các hành lang khai thác đã có và mới.

15. "Khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt": Là việc lấy nước trực tiếp từ hệ thống sông, suối, kênh, mương, hồ, ao bằng công trình khai thác hoặc bằng thiết bị lấy nước.

16. "Công trình khai thác nước mặt": Là công trình lấy nước, trữ nước, dẫn nước từ sông, suối, kênh, mương, hồ, ao.

17. "Khả năng tiếp nhận nước thải của lưu vực nguồn nước": Là số lượng, chất lượng nước thải mà lưu vực nguồn nước có thể tiếp nhận được và không làm chất lượng và khả năng chứa của nguồn nước đó vượt quá quy chuẩn cho phép do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

18. "Kế hoạch giảm thiểu ô nhiễm": Là kế hoạch nhằm từng bước giảm nồng độ, thành phần của các chất gây ô nhiễm trong nước thải thông qua việc thực hiện các biện pháp xử lý.

19. "Vùng hạn chế khai thác, vùng cấm khai thác": Là vùng địa lý có trữ lượng và chất lượng nước cần phải hạn chế khai thác, cấm khai thác để tránh gây ra suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm nguồn nước hoặc gây sụt lún các công trình xây dựng.

20. "Chiều sâu cho phép khai thác": Là chiều sâu tối đa cho phép đối với từng loại quy mô công trình khai thác và từng vùng khai thác nước dưới đất.

21. "Nước thô" là nước khai thác trực tiếp từ nguồn nước chưa qua xử lý.

22. "Nước thải" là nước đã qua sử dụng và thải ra môi trường.

Điều 4. Các trường hợp không phải xin cấp giấy phép thăm dò, khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước

1. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước trong phạm vi hộ gia đình không phải vào mục đích sản xuất, kinh doanh:

a) Lưu lượng từ 0,02 m^3/s trở xuống đối với khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp;

b) Công suất lắp máy từ 50 kw trở xuống đối với khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện không làm chuyển đổi dòng chảy;

c) Lưu lượng từ 100 m^3/ngày đêm trở xuống đối với khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích không phải là sản xuất nông nghiệp và phát điện;

d) Lưu lượng từ 10 m^3/ngày đêm trở xuống đối với khai thác, sử dụng nước dưới đất;

2. Xả nước thải trong phạm vi hộ gia đình không phải là mục đích sản xuất, kinh doanh.

3. Các trường hợp không phải xin cấp phép tại Khoản 1, 2 Điều này phải tuân thủ đầy đủ các quy định về Vùng bảo hộ vệ sinh, Vùng hạn chế khai thác, Độ sâu cho phép khai thác.

4. Các trường hợp không phải xin cấp phép tại Điểm d, Khoản 1 Điều này phải chấp hành các quy định: Thi công do tổ chức, cá nhân có chức năng hành nghề khoan nước thực hiện; Thiết diện giếng khai thác nhỏ hơn 110 milimét; Đồng thời phải đăng ký tại UBND xã, phường, thị trấn về vị trí, lưu lượng khai thác dự kiến, mục đích sử dụng nước và đăng ký độ sâu giếng sau khi khoan (nội dung đăng ký quy định tại phụ lục G).

5. Khai thác nước dưới đất từ các công trình thay thế nằm trong công trình đã được cấp phép, có quy mô không lớn hơn công trình khai thác nước cần phải thay thế, mực nước hạ thấp nhỏ hơn giới hạn cho phép và tổng lưu lượng khai thác không lớn hơn giấy phép đã cấp. Trước khi thi công các công trình thay thế này chủ giấy phép phải đăng ký các nội dung liên quan với cơ quan cấp phép và phải chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan cấp phép. Chủ giấy phép phải trám lấp

giếng khoan không còn sử dụng theo quy định.

Điều 5. Nguyên tắc cấp phép

Việc cấp phép thăm dò, khai thác tài nguyên nước, hành nghề khoan thăm dò, khai thác nước và xả nước thải vào lưu vực nguồn nước phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

1. Cấp phép phải đúng thẩm quyền, đúng đối tượng và trình tự, thủ tục theo quy định;

2. Ưu tiên cấp phép thăm dò, khai thác tài nguyên nước để cung cấp nước sinh hoạt;

3. Bảo vệ môi trường, không gây cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước;

4. Phải bảo đảm lợi ích của Nhà nước; quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan;

5. Khai thác nước dưới đất trong một vùng không được vượt quá trữ lượng nước có thể khai thác của vùng đó, cụ thể: Khi nước tại vùng khai thác đã đạt tới trữ lượng có thể khai thác thì không được mở rộng quy mô khai thác.

6. Các tổ chức, cá nhân thi công phải có đủ: năng lực, trình độ chuyên môn, thiết bị, Giấy phép hành nghề đúng quy định của pháp luật; đảm bảo sự bền vững nguồn tài nguyên nước, chống sự suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm nguồn nước.

7. Nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải được cấp phép xả vào lưu vực nguồn nước cần đạt quy chuẩn bắt buộc theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp phép.

Điều 6. Căn cứ cấp phép

1. Việc cấp phép thăm dò, khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước phải trên cơ sở các căn cứ sau đây:

a) Luật Tài nguyên nước và văn bản pháp luật có liên quan;

b) Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan;

c) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, ngành, vùng và địa phương;

d) Quy hoạch lưu vực sông được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật; trường hợp chưa có quy hoạch lưu vực sông thì căn cứ vào khả năng nguồn nước;

e) Mức độ chi tiết của việc thăm dò nước dưới đất và đánh giá trữ lượng có thể khai thác, khả năng xử lý chất lượng nước đạt tới quy chuẩn của mục đích sử dụng nước (đối với khai thác nước dưới đất); Mức độ chi tiết của việc đánh giá nguồn cấp nước, khả năng xử lý chất lượng nước đạt tới quy chuẩn của mục đích sử dụng nước (đối với khai thác nước mặt); Lưu lượng, chất lượng mong muốn của lưu vực nguồn nước tiếp nhận và quy trình công nghệ xử lý nước thải, quy chuẩn chất lượng nước thải đối với từng loại lưu vực nguồn nước tiếp nhận cụ thể (đối với xả thải vào nguồn nước).

f) Báo cáo thẩm định về hồ sơ xin phép thăm dò, khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

g) Các Quy định về vùng bảo hộ vệ sinh, vùng hạn chế khai thác, vùng cấm khai thác và độ sâu khai thác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Các số liệu sử dụng để lập Đề án, Báo cáo phải nêu rõ nguồn gốc. Các tài liệu nguồn gốc phải được các cơ quan chuyên môn có thẩm quyền đánh giá và công bố. Việc lập các Đề án, Báo cáo, Phương án xử lý nước để đạt đến tiêu chuẩn quy định phải do các cơ quan có chức năng chuyên môn thực hiện hoặc chấp thuận. Đề án trình duyệt cần có đóng dấu giáp lai của cơ quan đề nghị cấp phép.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào Cơ sở dữ liệu tài nguyên nước thu thập được của từng thời gian công bố danh mục các khu vực cần hạn chế khai thác và danh mục các khu vực cấm khai thác, chiều sâu mực nước cho phép khai thác cho các khu vực.

Điều 7. Thời hạn giấy phép, gia hạn giấy phép

1. Thời hạn của giấy phép khai thác nước mặt không quá hai mươi (20) năm và được xem xét gia hạn nhưng thời gian gia hạn không quá mười (10) năm.

2. Thời hạn của giấy phép thăm dò nước dưới đất không quá ba (3) năm và được xem xét gia hạn nhưng thời gian gia hạn không quá hai (2) năm.

3. Thời hạn của giấy phép khai thác nước dưới đất không quá mười lăm (15) năm và được xem xét gia hạn nhưng thời gian gia hạn không quá mười (10) năm.

4. Thời hạn của giấy phép xả nước thải vào lưu vực nguồn nước không quá mười (10) năm và được xem xét gia hạn nhưng thời gian gia hạn không quá năm (5) năm.

5. Thời hạn của giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất không quá năm (5) năm, và được xem xét gia hạn nhưng thời gian gia hạn không quá ba (3) năm.

6. Việc gia hạn giấy phép thăm dò, khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước phải căn cứ vào các quy định tại Điều 6 của Quy định này và các điều kiện sau đây:

a) Tại thời điểm xin gia hạn, chủ giấy phép đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại Điều 23 của Quy định này;

b) Giấy phép thăm dò, khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước, hành nghề khoan nước nước dưới đất còn hiệu lực không ít hơn ba (3) tháng tại thời điểm xin gia hạn.

Điều 8. Nguyên tắc hoạt động quản lý, kiểm tra, thanh tra của hệ thống cơ quan quản lý

- Đối với những việc thuộc thẩm quyền quản lý, kiểm tra của nhiều cơ quan thì kiểm tra theo nguyên tắc với những nội dung kiểm tra xác định của một đối tượng chỉ bị kiểm tra một lần trong vòng 6 tháng.

- Trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật mà thuộc thẩm quyền xử lý của nhiều cơ quan thì cơ quan nào phát hiện trước cơ quan đó sẽ xử lý theo nguyên tắc một hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một lần với khung xử lý đúng với mức vi phạm.

Tuy nhiên kết quả kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm cần gửi đến các cơ quan có thẩm quyền liên quan và Sở Tài nguyên và Môi trường.

CHƯƠNG II

CẤP, GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH, ĐÌNH CHỈ HIỆU LỰC, THU HỒI, TRẢ LẠI, CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG GIẤY PHÉP THĂM DÒ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC, XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC.

Điều 9. Thẩm quyền cấp phép

1. Sở Tài nguyên và Môi trường Hà nội tổ chức thực hiện: Tiếp nhận, hướng dẫn hồ sơ, thẩm định và quyết định cấp, gia hạn, thay đổi, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép thăm dò, khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn Thành phố Hà nội trong phạm vi thẩm quyền của UBND Thành phố, cụ thể trong các trường hợp sau:

a) Thăm dò, khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 20 m^3/ngày đêm đến dưới 3000m^3/ngày đêm;

b) Khai thác và sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1 m^3/giây đến dưới 2 m^3/giây;

c) Khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích không phải cho sản xuất nông nghiệp và phát điện với lưu lượng từ 5.000 m^3/ngày đêm đến dưới 50.000 m^3/ngày đêm;

d) Xả nước thải (sinh hoạt, sản xuất, nhà hàng, khách sạn, làng nghề) vào lưu vực nguồn nước với lưu lượng từ 10 m^3/ngày đêm đến dưới 5000 m^3/ngày đêm;

e) Xả nước thải bệnh viện vào lưu vực nguồn nước với lưu lượng dưới 5.000 m^3/ngày đêm;

g) Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ cho các tổ chức, cá nhân có địa chỉ thường trú trên địa bàn Thành phố theo quy định tại Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12/10/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất.

2. UBND các quận, huyện, thị xã (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện) tổ chức thực hiện: Tiếp nhận, hướng dẫn hồ sơ, thẩm định và quyết định cấp, gia hạn, thay đổi, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước trên địa bàn quận, huyện,

thị xã đối với tổ chức và hộ gia đình, cá nhân khai thác sử dụng cho mục đích không phải sinh hoạt, trong phạm vi cụ thể như sau:

a) Khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 20 m^3/ngày đêm;

b) Khai thác và sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới 1 m^3/giây;

c) Khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích không phải cho sản xuất nông nghiệp và phát điện với lưu lượng dưới 5.000 m^3/ngày đêm;

d) Xả nước thải (sinh hoạt, sản xuất, nhà hàng, khách sạn) vào lưu vực nguồn nước với lưu lượng dưới 10 m^3/ngày đêm.

Sau khi cấp phép, gửi một bản Giấy phép đến Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp.

Điều 10. Giấy phép thăm dò nước dưới đất

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất nộp hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất (phụ lục A1);

b) Giấy giới thiệu người đến giao dịch của đơn vị xin phép; Văn bản pháp lý về tư cách chủ thể của đơn vị xin phép; Văn bản về chức năng hoạt động trong lĩnh vực địa chất thuỷ văn của đơn vị tư vấn lập Đề án, Báo cáo; Giấy phép hành nghề của đơn vị thi công (nếu có);

c) Đề án thăm dò nước dưới đất (theo mẫu B1) đối với công trình có lưu lượng từ 200 m^3/ngày đêm đến dưới 3.000 m^3/ngày đêm.

Thiết kế giếng thăm dò đối với công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200m^3/ngày đêm (phụ lục B2);

d) Bản đồ vị trí công trình tỷ lệ từ 1/25.000 đến 1/10.000 hoặc bản đồ có tỉ lệ lớn hơn, có ranh giới khu đất dự kiến thăm dò;

e) Bản sao công chứng giấy chứng nhận hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại nơi đặt công trình thăm dò. Trường hợp đất tại nơi đặt công trình thăm dò không thuộc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thì phải có văn bản thỏa thuận cho sử dụng đất giữa tổ chức cá nhân khai thác với tổ chức cá nhân có quyền sử dụng đất, được UBND xã, phường, thị trấn nơi đặt công trình xác nhận.

2. Trình tự cấp giấy phép được quy định như sau:

a) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì thông báo cho tổ chức, cá nhân xin phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

b) Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc Sở Tài nguyên và Môi trường có

trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường, nếu đủ căn cứ cấp phép thì cấp giấy phép, trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin phép và thông báo lý do không cấp phép bằng văn bản.

Điều 11. Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất

1. Tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép khai thác nước dưới đất nộp hồ sơ tại Sở Tài nguyên và môi trường hoặc UBND các quận, huyện, thị xã. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất (phụ lục A2);

b) Giấy giới thiệu người đến giao dịch của đơn vị xin phép; Văn bản pháp lý về tư cách chủ thể của đơn vị xin phép; Văn bản pháp lý về chức năng hoạt động trong lĩnh vực địa chất thuỷ văn của đơn vị tư vấn lập đề án, báo cáo; Giấy phép hành nghề của đơn vị thi công (nếu có);

c) Đề án khai thác nước dưới đất (phụ lục B3);

d) Bản đồ vị trí công trình tỷ lệ từ 1/25.000 đến 1/10.000 hoặc bản đồ có tỉ lệ lớn hơn; Có toạ độ điểm khai thác;

e) Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 200 m^3/ngày đêm đến dưới 3.000 m^3/ngày đêm (phụ lục B4); báo cáo kết quả thi công giếng khai thác đối với công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200m^3/ngày đêm (phụ lục B5); Báo cáo hiện trạng khai thác đối với công trình khai thác nước dưới đất đang hoạt động (phụ lục B6);

f) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước khai thác đối chiếu với tiêu chuẩn của mục đích sử dụng theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin cấp phép;

g) Phương án công nghệ xử lý để đạt tới chất lượng yêu cầu với mục đích sử dụng trước khi đưa vào sử dụng, được cơ quan có chuyên môn thẩm định và chấp thuận.

h) Bản sao công chứng giấy chứng nhận hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại nơi đặt công trình khai thác. Trường hợp đất tại nơi đặt công trình khai thác không thuộc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thỏa thuận cho sử dụng đất giữa tổ chức cá nhân khai thác với tổ chức cá nhân có quyền sử dụng đất, được UBND xã, phường, thị trấn nơi đặt công trình xác nhận.

2. Trình tự cấp giấy phép được quy định như sau:

a) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì thông báo cho tổ chức, cá nhân xin phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

b) Đối với trường hợp đã có giếng khai thác, trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 của

Điều này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, nếu đủ căn cứ cấp phép thì quyết định cấp giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin phép và thông báo lý do không cấp phép bằng văn bản đồng thời yêu cầu trám lấp.

c) Đối với trường hợp chưa có giếng khai thác, trong thời hạn mười (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa (nếu cần) nếu đủ căn cứ cấp phép thì quyết định cấp Giấy phép. Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo lý do không cấp phép bằng văn bản.

Điều 12. Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt

1. Tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép khai thác nước mặt nộp hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND các quận, huyện, thị xã. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước mặt (phụ lục A3);

b) Giấy giới thiệu người đến giao dịch của đơn vị xin phép; Văn bản pháp lý về tư cách chủ thể của đơn vị xin phép; Văn bản pháp lý về chức năng hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên nước của đơn vị tư vấn lập Đề án, Báo cáo;

c) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước khai thác đối chiếu với quy chuẩn của mục đích sử dụng theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin cấp phép;

d) Đề án khai thác nước kèm theo qui trình vận hành đối với trường hợp chưa có công trình khai thác(phụ lục B7.1); báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước kèm theo qui trình vận hành đối với trường hợp đang có công trình khai thác (phụ lục B7.2);

Nội dung quy trình vận hành phải có phương án công nghệ xử lý để đạt tới chất lượng yêu cầu với mục đích sử dụng trước khi đưa vào sử dụng, được cơ quan có chuyên môn thẩm định và chấp thuận;

e) Sơ đồ vị trí công trình tỷ lệ từ 1/25.000 đến 1/10.000 hoặc bản đồ có tỉ lệ lớn hơn; Có toạ độ điểm khai thác;

f) Bản sao công chứng giấy chứng nhận hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại nơi đặt công trình khai thác. Trường hợp đất tại nơi đặt công trình khai thác không thuộc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thỏa thuận cho sử dụng đất giữa tổ chức cá nhân khai thác với tổ chức cá nhân có quyền sử dụng đất, được UBND xã, phường, thị trấn nơi đặt công trình xác nhận.

2. Trình tự cấp giấy phép được quy định như sau:

a) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì thông báo cho tổ chức, cá nhân xin phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

b) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 của Điều này, Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường, nếu đủ căn cứ cấp phép thì quyết định cấp giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin phép và thông báo lý do không cấp phép bằng văn bản.

Điều 13. Giấy phép xả nước thải vào lưu vực nguồn nước

1. Tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép xả nước thải vào lưu vực nguồn nước nộp hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND các quận, huyện, thị xã. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (phụ lục A4);

b) Giấy giới thiệu người đến giao dịch của đơn vị xin phép; Văn bản pháp lý về tư cách chủ thể của đơn vị xin phép; Văn bản pháp lý về chức năng hoạt động trong lĩnh vực môi trường nước của đơn vị tư vấn lập Đề án, Báo cáo;

c) Kết quả phân tích chất lượng nước thải và lưu vực nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin cấp phép;

d) Đề án xả nước thải vào lưu vực nguồn nước, kèm theo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải để đạt quy chuẩn quy định (phụ lục B8.1); Trường hợp đang xả nước thải vào lưu vực nguồn nước thì phải có báo cáo hiện trạng xả nước thải, kèm theo kết quả phân tích thành phần nước thải (phụ lục B8.2); phương án công nghệ xử lý nước thải để đạt quy chuẩn xả thải theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin cấp phép;

e) Bản đồ vị trí công trình tỷ lệ 1/10.000 hoặc bản đồ có tỉ lệ lớn hơn, có thể hiện ranh giới khu đất, toạ độ điểm xả và hướng đường dẫn tới nguồn tiếp nhận;

f) Báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

g) Bản sao công chứng giấy chứng nhận hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại nơi đặt công trình xả nước thải; Trường hợp đất tại nơi đặt công trình xả nước thải không thuộc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thỏa thuận cho sử dụng đất giữa tổ chức cá nhân xả nước thải với tổ chức cá nhân có quyền sử dụng đất, được UBND xã, phường, thị trấn nơi đặt công trình xác nhận.

2. Trình tự cấp giấy phép được quy định như sau :

a) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì thông báo cho tổ chức, cá nhân xin phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

b) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 của Điều này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường, nếu đủ căn cứ cấp phép thì cấp giấy phép; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin phép và thông báo lý do không cấp phép bằng văn bản.

Điều 14. Thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép

Việc thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cần được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

1. Đối với giấy phép thăm dò nước dưới đất:

a) Điều kiện mặt bằng không cho phép thi công một số hạng mục trong Đề án thăm dò đã được phê duyệt;

b) Có sự khác biệt giữa cấu trúc địa chất thủy văn thực tế và cấu trúc địa chất thủy văn dự kiến trong Đề án thăm dò đã được phê duyệt;

c) Khối lượng các hạng mục thăm dò thay đổi vượt quá 10% so với khối lượng tương ứng đã được phê duyệt.

2. Đối với giấy phép khai thác tài nguyên nước:

a) Nguồn nước không bảo đảm việc cung cấp nước như Giấy phép đã cấp;

b) Nhu cầu khai thác nước tăng;

c) Xảy ra các tình huống bất khả kháng cần phải hạn chế việc khai thác nước.

3. Đối với giấy phép xả nước thải vào lưu vực nguồn nước:

a) Nguồn nước tiếp nhận không còn khả năng tiếp nhận lượng nước thải hoặc quy chuẩn về chất của nguồn tiếp nhận thay đổi;

b) Nhu cầu xả nước thải tăng;

c) Xảy ra các tình huống bất khả kháng cần phải hạn chế việc xả nước thải vào lưu vực nguồn nước.

Điều 15. Trình tự, thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước

1. Tổ chức, cá nhân xin gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước nộp hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND các quận, huyện, thị xã. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn, hoặc thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cần nêu rõ lý do (Phụ lục A5, A6, A7, A8); Giấy giới thiệu người đến giao dịch của đơn vị xin phép;

Văn bản pháp lý về tư cách chủ thể của đơn vị xin phép (nếu có thay đổi so với thời điểm cấp phép); Văn bản pháp lý về chức năng hoạt động trong lĩnh vực địa chất thuỷ văn hoặc môi trường nước của đơn vị tư vấn lập Đề án, Báo cáo (nếu có);

b) Giấy phép đã được cấp;

c) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép;

d) Báo cáo việc thực hiện các quy định trong giấy phép;

e) Báo cáo tình hình thực hiện Giấy phép thăm dò (phụ lục B9.1) đối với trường hợp đề nghị gia hạn Giấy phép.

Đề án thăm dò khai thác nước dưới đất (phụ lục B9.2) đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép.

f) Báo cáo tình hình thực hiện Giấy phép khai thác nước dưới đất (phụ lục B9.3) đối với trường hợp đề nghị gia hạn Giấy phép.

Đề án khai thác nước dưới đất (phụ lục B9.4) đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép.

g) Báo cáo tình hình thực hiện Giấy phép khai thác nước mặt (phụ lục B10.1) đối với trường hợp đề nghị gia hạn Giấy phép.

Đề án khai thác nước mặt (phụ lục B10.2) đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép.

h) Báo cáo tình hình thực hiện Giấy phép xả nước thải vào lưu vực nguồn nước (phụ lục B11.1) đối với trường hợp đề nghị gia hạn Giấy phép.

Đề án xả nước thải vào lưu vực nguồn nước (phụ lục B11.2) đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép.

2. Trình tự thực hiện được quy định như sau :

Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Tài nguyên và môi trường hoặc UBND các quận, huyện, thị xã có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường, nếu đủ điều kiện gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thì Quyết định gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do bằng văn bản.

3. Trường hợp Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND các quận, huyện, thị xã thấy cần thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép do sự thay đổi nguồn nước hoặc hình thành mạng cấp nước tập trung của khu vực đảm bảo cấp nước cho chủ Giấy phép thì cần thông báo cho chủ giấy phép biết trước ba mươi (30) ngày.

Điều 16. Đình chỉ hiệu lực của giấy phép

1. Giấy phép bị đình chỉ hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

a) Chủ giấy phép vi phạm nội dung quy định của giấy phép;

b) Chủ giấy phép chuyển nhượng giấy phép chưa được cấp có thẩm quyền chấp thuận;

c) Chủ giấy phép lợi dụng giấy phép để tổ chức hoạt động với những nội dung không quy định trong nội dung giấy phép.

2. Khi thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra định kỳ hoặc đột xuất, nếu phát hiện chủ giấy phép vi phạm các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này thì người có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra có trách nhiệm lập Biên bản vi phạm và

báo cáo bằng văn bản đến Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND các quận, huyện, thị xã trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND các quận, huyện, thị xã có trách nhiệm xem xét đình chỉ hiệu lực của giấy phép.

3. Căn cứ vào mức độ vi phạm của chủ giấy phép, mức độ ảnh hưởng của việc đình chỉ giấy phép đến đời sống của nhân dân và hoạt động sản xuất, kinh doanh, Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND các quận, huyện, thị xã quyết định thời hạn đình chỉ hiệu lực của giấy phép, nhưng không quá:

a. Ba (3) tháng đối với giấy phép thăm dò nước dưới đất;

b. Sáu (6) tháng đối với giấy phép khai thác sử dụng nước, giấy phép xả nước thải vào lưu vực nguồn nước.

4. Sở Tài nguyên và môi trường hoặc UBND các quận, huyện, thị xã có thể xem xét rút ngắn thời hạn đình chỉ hiệu lực của giấy phép khi chủ giấy phép đã khắc phục lý do đình chỉ giấy phép.

Điều 17. Thu hồi giấy phép

1. Việc thu hồi giấy phép được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức là chủ giấy phép bị giải thể hoặc bị Toà án tuyên bố phá sản; cá nhân là chủ giấy phép bị chết hoặc bị Toà án tuyên bố là đã chết hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị tuyên bố mất tích;

b) Giấy phép được cấp nhưng không sử dụng trong thời gian mười hai (12) tháng liên tục mà không được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về tài nguyên nước cho phép;

c) Chủ giấy phép vi phạm quyết định đình chỉ hiệu lực của giấy phép;

d) Chủ giấy phép vi phạm nội dung quy định của giấy phép, gây cạn kiệt, ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước;

e) Giấy phép được cấp không đúng thẩm quyền;

f) Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi giấy phép vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.

2. Trong trường hợp giấy phép bị thu hồi do vi phạm quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều này, chủ giấy phép chỉ được xem xét cấp giấy phép mới sau ba (3) năm, kể từ ngày thu hồi, nếu đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến lý do thu hồi giấy phép cũ.

3. Trong trường hợp giấy phép bị thu hồi theo quy định tại các điểm e Khoản 1 Điều này, thì Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét cấp giấy phép mới; Trường hợp giấy phép bị thu hồi theo quy định tại các điểm f Khoản 1 Điều này, thì Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND các quận, huyện, thị xã phải thông báo cho chủ giấy phép biết trước ba mươi (30) ngày.

4. Khi phát hiện chủ Giấy phép vi phạm các nội dung tại các điểm c, d, e Khoản 1 Điều này, cán bộ thuộc hệ thống cơ quan quản lý tài nguyên nước có

quyền lập biên bản về vi phạm, đồng thời trong vòng 7 ngày làm việc kể từ thời điểm lập biên bản phải báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND các quận, huyện, thị xã ra quyết định thu hồi giấy phép.

Đối với các trường hợp thu hồi theo điểm a, b, e khoản 1 điều này, Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND các quận, huyện, thị xã có trách nhiệm lập hồ sơ thu hồi Giấy phép trong vòng 30 ngày kể từ ngày có đủ căn cứ theo quy định tại các khoản này.

Điều 18. Trả lại giấy phép

1. Trường hợp không còn nhu cầu sử dụng giấy phép, chủ giấy phép có quyền trả lại giấy phép cho cơ quan cấp phép, đồng thời có văn bản giải trình lý do trả lại giấy phép cho cơ quan cấp phép và báo cáo cho cơ quan cấp phép về tình hình khai thác tài nguyên nước hoặc xả nước thải vào lưu vực nguồn nước kể từ khi được cấp phép đến thời điểm trả lại giấy phép;

Đối với các công trình đang khai thác tài nguyên nước phục vụ cấp nước công cộng hoặc công trình xả nước thải của khu dân cư, việc xin trả lại giấy phép chỉ được cơ quan cấp phép chấp thuận khi đã có biện pháp khắc phục, bảo đảm không ảnh hưởng đến sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

2. Tổ chức, cá nhân muốn trả lại giấy phép phải gửi văn bản giải trình lý do trả lại giấy phép và các hồ sơ liên quan đến Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND các quận, huyện, thị xã để cập nhật và tổng hợp báo cáo. Với trường hợp cần có sự chấp thuận của cơ quan cấp phép thì trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức, cá nhân muốn trả lại giấy phép nộp hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND các quận, huyện, thị xã trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân muốn trả lại giấy phép.

3. Tổ chức, cá nhân đã trả lại giấy phép chỉ được xem xét cấp giấy phép mới sau hai (2) năm, kể từ ngày trả lại giấy phép.

Điều 19. Chấm dứt hiệu lực của giấy phép trong các trường hợp sau đây

1. Giấy phép bị thu hồi;

2. Giấy phép đã hết hạn;

3. Giấy phép đã trả lại.

Điều 20. Chuyển quyền sở hữu tài sản đã đầu tư theo Giấy phép thăm dò, khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước được thực hiện theo các quy định của luật dân sự và các quy định sau

1. Việc thực hiện các quyền dân sự liên quan đến quyền sở hữu tài sản đã đầu tư cho việc thăm dò, khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước theo các Giấy phép đã cấp, trong trường hợp bên nhận chuyển quyền muốn tiếp tục thực hiện Giấy phép đã cấp cho bên chuyển nhượng thì ngoài việc tuân thủ nội dung của Giấy phép đã cấp và của luật dân sự còn phải đăng ký tại Cơ quan cấp phép, sau khi được Cơ quan cấp phép chấp thuận thì giao dịch mới có hiệu lực.

Việc chuyển quyền sở hữu tài sản đã đầu tư cho việc thăm dò, khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước mà không liên quan đến việc thực hiện các Giấy phép đã cấp thì không được điều chỉnh tại quyết định này.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện :

a) Hồ sơ gồm: Hợp đồng chuyển quyền sở hữu tài sản đã đầu tư theo Giấy phép thăm dò, khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước (nêu rõ lý do cần chuyển quyền) đã được công chứng; Giấy phép đã được cấp; Các văn bản chứng minh nhu cầu thực tế, khả năng thực hiện các nội dung yêu cầu trong Giấy phép của chủ thể nhận chuyển quyền, văn bản cam kết thực hiện đúng giấy phép của chủ thể nhận chuyển quyền.

b) Hồ sơ nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND các quận, huyện, thị xã; Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 của Điều này, Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND các quận, huyện, thị xã thẩm định về năng lực chủ thể tiếp nhận, nếu đủ điều kiện thì quyết định cấp phép đổi tên chủ giấy phép; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ cho các bên và nêu rõ lý do bằng văn bản.

Điều 21. Thời gian giải quyết hồ sơ: Tại các Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 21 nêu trên không bao gồm thời gian lấy ý kiến các cơ quan liên quan; Toàn bộ tài liệu trong hồ sơ phải là bản chính hoặc công chứng hoặc cán bộ thụ lý sau khi xem bản chính có thể xác nhận vào bản phô tô.

Điều 22. Quyền của chủ giấy phép

1. Được thăm dò, khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước theo quy định của Giấy phép được cấp;

2. Được Nhà nước bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp; Khiếu nại các hành vi vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong việc thăm dò, khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước, yêu cầu người khác bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật của họ gây ra đối với các quyền, lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật;

3. Được Nhà nước bồi thường thiệt hại trong trường hợp giấy phép bị thu hồi trước thời hạn vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng theo quy định của pháp luật;

4. Đề nghị cơ quan cấp giấy phép gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép; trả lại Giấy phép theo quy định;

5. Sử dụng dữ liệu, thông tin về tài nguyên nước theo quy định hiện hành;

6. Chuyển nhượng, cho thuê, để thừa kế tài sản đã đầu tư vào việc thăm dò, khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước; thế chấp, bảo lãnh bằng tài sản đã đầu tư vào việc thăm dò, khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Nghĩa vụ của chủ giấy phép

1. Chấp hành quy định của pháp luật về tài nguyên nước và các quy định trong Giấy phép;

2. Nộp lệ phí, phí thẩm định hồ sơ cấp phép thăm dò, khai thác, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất; thuế tài nguyên đối với việc khai thác tài nguyên nước; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và chi phí để xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường;

3. Nếu không có Giấy phép hành nghề phải hợp đồng với đơn vị có Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất để thực hiện việc khoan thăm dò và khoan khai thác nước dưới đất.

4. Trước khi đưa các công trình khai thác nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước vào vận hành, chủ giấy phép phải gửi hồ sơ hoàn công cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận, huyện, thị xã; chỉ được đưa công trình vào vận hành khi có sự kiểm tra của Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận, huyện, thị xã và xác nhận là đã thi công đúng với nội dung quy định trong giấy phép.

5. Không cản trở hoặc gây thiệt hại đến việc thăm dò, khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác;

6. Bảo vệ nguồn nước tại khu vực thăm dò, khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước;

7. Cung cấp đầy đủ và trung thực dữ liệu, thông tin về tài nguyên nước tại khu vực mà mình thăm dò, khai thác nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;

8. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn về vùng phòng hộ vệ sinh, phòng ngừa, khắc phục sự cố trong quá trình thăm dò, khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước; phát hiện và báo cáo kịp thời sự cố bất thường với cơ quan cấp Giấy phép để có biện pháp xử lý thích hợp;

9. Có biện pháp giám sát quá trình thăm dò, khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước theo đúng quy trình kỹ thuật và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân mà cơ quan quản lý nhà nước cho phép thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, điều tra, đánh giá nguồn nước tại khu vực đã được cấp phép của mình.

10. Không được tự ý tháo dỡ, phá hủy các công trình, thiết bị thuộc sở hữu toàn dân và tài sản hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác liên quan đến thăm dò, khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước khi triển khai thực hiện Giấy phép;

Khi Giấy phép chấm dứt hiệu lực; trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, phải trám lấp lỗ khoan, giếng khoan theo đúng Quyết định số 14/2007/QĐ-BTNMT ngày 4/9/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và di chuyển toàn bộ tài sản của mình ra khỏi khu vực thăm dò, khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước; Phục hồi môi trường và đất đai theo quy định của pháp luật và Giấy phép;

11. Thực hiện chế độ báo cáo thực hiện Giấy phép theo quy định sau:

a) Trước khi triển khai thực hiện Giấy phép phải gửi văn bản báo cáo kế hoạch triển khai Giấy phép kèm theo bản sao Giấy phép đến UBND quận, huyện, thị xã và UBND xã, phường, thị trấn sở tại.

b) Định kỳ sáu tháng một lần báo cáo về kết quả thực hiện giấy phép gồm các nội dung: lưu lượng khai thác, mực nước động, mực nước tĩnh, chất lượng nước theo đúng quy định trong Giấy phép, những thuận lợi, khó khăn; Báo cáo được gửi tới: Sở Tài nguyên và Môi trường để phân tích tình hình theo chức năng, tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố.

12. Trường hợp công trình khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước thuộc sở hữu nhà nước, chủ Giấy phép là chủ đầu tư công trình (không phải là doanh nghiệp) không trực tiếp quản lý vận hành công trình thì phải có văn bản bàn giao công trình, hồ sơ và Giấy phép cho chủ thể trực tiếp vận hành công trình. Chủ thể trực tiếp vận hành công trình có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ liên quan đến Giấy phép đã nhận bàn giao.

Điều 24. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân hiện đang có công trình khai thác nước hoặc xả nước thải vào lưu vực nguồn nước nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký

1. Toàn bộ các công trình đang khai thác nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước thuộc diện phải xin phép mà chưa có Giấy phép theo quy định này, trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành, chủ công trình khai thác nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước chưa có giấy phép phải làm thủ tục đề nghị cấp phép theo quy định này tại Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND các quận, huyện, thị xã.

2. Sau 6 tháng kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành, tất cả các công trình khai thác nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước chưa có Giấy phép hoặc chưa nộp hồ sơ xin cấp phép sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định số 34/2005/NĐ-CP ngày 17/3/2005 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tài nguyên nước; Thông tư số 05/2005/TT-BTNMT ngày 22/7/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thi hành Nghị định số 34/2005/NĐ-CP ngày 17/3/2005 của Chính phủ, đồng thời đình chỉ khai thác nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước.

3. Các trường hợp đang khai thác tài nguyên nước thuộc diện không phải xin phép đều phải đăng ký với UBND xã, phường, thị trấn sở tại theo mẫu tại phụ lục G.

CHƯƠNG III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Trách nhiệm của các ngành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Hướng dẫn thực hiện công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên nước trong phạm vi được giao; Chịu sự chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Tài nguyên

và Môi trường; Chỉ đạo và hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ tài nguyên và môi trường cấp quận, huyện, thị xã và phường, xã, thị trấn;

b) Đóng góp ý kiến đối với các hồ sơ thăm dò, khai thác tài nguyên nước và xả nước thải vào lưu vực nguồn nước trên địa bàn Thành phố Hà nội do Cục Quản lý tài nguyên nước tổ chức thẩm định;

c) Thoả thuận về nguồn nước cho các dự án; Cung cấp thông tin về tài nguyên nước trong phạm vi quản lý theo quy định;

d) Kiểm tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền việc tuân thủ nội dung Giấy phép của chủ giấy phép trước khi đưa công trình vào vận hành chính thức và quá trình thực hiện giấy phép của các công trình khai thác nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước trên địa bàn Thành phố; Kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các công trình khai thác và xả nước thải vào lưu vực nguồn nước không xin phép; Báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường xử lý những trường hợp vượt thẩm quyền.

Tổng hợp thông tin liên quan đến tình hình cấp phép và thực hiện Giấy phép, công tác kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố báo cáo UBND Thành phố và Cục Quản lý tài nguyên nước.

e) Kiểm tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền việc thực hiện Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất của các đơn vị thi công; Báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường xử lý những trường hợp vượt thẩm quyền.

f) Lưu trữ hồ sơ cấp phép thuộc thẩm quyền và dần hoàn thiện cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước, nhằm đề xuất được những chính sách quản lý thích hợp cho từng thời kỳ đảm bảo phát triển bền vững nguồn tài nguyên nước.

g) Tiếp nhận, hướng dẫn, thẩm định hồ sơ và quyết định cấp phép theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 quy định này.

h) Quyết định đình chỉ, thu hồi giấy phép theo thẩm quyền cấp phép hoặc đình chỉ khai thác nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn trong trường hợp không nộp hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định theo Khoản 2 Điều 24 Quyết định này.

2. **Cục Thuế**: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành liên quan xây dựng và trình UBND Thành phố ban hành việc triển khai chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng thuế khai thác tài nguyên nước, phí xả nước thải vào lưu vực nguồn nước.

3. **Sở Khoa học và công nghệ**: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc thẩm định, đánh giá các phương án công nghệ xử lý nước khai thác và xử lý nước thải.

4. **Sở Xây dựng:** Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định các dự án cung cấp nước sạch trên địa bàn Thành phố để đảm bảo quản lý tốt tài nguyên nước. Chỉ đạo các Công ty kinh doanh nước sạch, Công ty thoát nước thực hiện quy định quản lý tài nguyên nước về khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước.

5. **Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn**: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, đánh giá các dự án cung cấp nước sạch nông thôn, khả

năng tiếp nhận nước thải vào lưu vực nguồn nước có liên quan đến hoạt động nông nghiệp trên địa bàn và tham gia thẩm định các hồ sơ xin phép khai thác nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản.

6. **Sở Quy hoạch kiến trúc**: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng để xây dựng quy hoạch hệ thống giếng khai thác nước và mạng lưới cung cấp nước sạch, hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải của Thành phố.

7. **Các Sở, Ban, Ngành**: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ có liên quan đến công tác quản lý tài nguyên nước cần liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để thống nhất thực hiện đúng các quy định tại quyết định này.

Điều 26. Trách nhiệm của UBND các quận, huyện, thị xã:

Kiểm tra các công trình thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước tại địa phương theo các nội dung sau:

1. Yêu cầu chủ công trình xuất trình Giấy phép, kế hoạch triển khai Giấy phép và kiểm tra tính hợp lệ của Giấy phép (về thẩm quyền cấp phép theo quy định này, thời hạn Giấy phép, hiện tượng cho mượn, cho thuê, chuyển nhượng Giấy phép không xin phép);

2. Yêu cầu bên thi công công trình xuất trình Giấy phép hành nghề, kiểm tra tính hợp lệ của Giấy phép hành nghề;

3. Yêu cầu các chủ công trình thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước tại địa phương nộp báo cáo thường xuyên 6 tháng một lần về kết quả thực hiện Giấy phép;

4. Kiểm tra định kỳ, đột xuất nếu phát hiện thấy có dấu hiệu vi phạm Giấy phép tại các công trình trên địa bàn, xử lý vi phạm theo thẩm quyền về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước.

5. Nếu xảy ra tình huống bất khả kháng, cần có ngay biện pháp khắc phục trong khả năng đồng thời báo cáo ngay tới UBND Thành phố và Sở Tài nguyên và Môi trường trong vòng ba (3) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện tình huống bất khả kháng để có biện pháp khắc phục kịp thời.

6. Tổng hợp báo cáo UBND Thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường 6 tháng 1 lần về công tác quản lý nước tại địa bàn.

7. Chịu trách nhiệm trước UBND Thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường về nội dung và tính kịp thời của công tác quản lý tài nguyên nước trong phạm vi được giao.

8. Tiếp nhận, hướng dẫn, thẩm định hồ sơ và quyết định cấp phép theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 quy định này; Quyết định đình chỉ, thu hồi giấy phép theo thẩm quyền cấp phép hoặc đình chỉ khai thác nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước trong trường hợp không nộp hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định theo Khoản 2 Điều 24 Quyết định này.

Điều 27. Trách nhiệm của Phòng quản lý Tài nguyên và Môi trường các quận, huyện, thị xã:

1. Là bộ phận chuyên môn giúp UBND quận, huyện, thị xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn, chịu trách nhiệm trước UBND quận, huyện, thị xã về kết quả công tác được giao.

2. Chịu sự hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Thụ lý hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác sử dụng nguồn tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND quận, huyện, thị xã;

4. Kiểm tra, lập Biên bản vi phạm và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND quận, huyện, thị xã; Căn cứ vào Biên bản vi phạm, Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND quận, huyện, thị xã quyết định đình chỉ, thu hồi giấy phép theo quy định tại Điều 16, 17 Quy định này hoặc đình chỉ khai thác nước, xả nước thải vào nguồn trong trường hợp không nộp hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định theo Khoản 2 Điều 24 Quy định này.

5. Tham mưu với UBND quận, huyện, thị xã và Sở Tài nguyên và Môi trường để hoàn thiện chính sách quản lý tài nguyên nước.

Điều 28. Trách nhiệm của UBND các xã, phường, thị trấn

1. Kiểm tra các công trình thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước tại địa phương nếu phát hiện thấy có dấu hiệu vi phạm Giấy phép tại các công trình trên địa bàn, xử lý vi phạm theo thẩm quyền về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước, đồng thời báo cáo ngay UBND quận, huyện, thị xã, phòng Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn ba (3) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm.

2. Nếu xảy ra tình huống bất khả kháng, cần có ngay biện pháp khắc phục trong khả năng, đồng thời báo cáo ngay UBND quận, huyện, thị xã, phòng Tài nguyên và Môi trường quận, huyện, thị xã trong thời hạn ba (3) ngày làm việc kể từ khi phát hiện tình huống bất khả kháng để có biện pháp khắc phục kịp thời.

3. Quản lý toàn bộ và yêu cầu các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn có công trình khai thác nước dưới đất phải đăng ký và thực hiện đúng quy định tại Khoản 4 Điều 4 quy định này.

Điều 29. Xử lý chuyển tiếp

Giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước được cấp trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành và không trái với quy định tại Quyết định này thì được tiếp tục sử dụng; trường hợp giấy phép được cấp trước ngày quyết định này có hiệu lực thi hành mà trái với quy định của Quyết định này thì trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành, chủ giấy phép phải làm thủ tục xin cấp giấy phép mới theo quy định.

CHƯƠNG IV
KHEN THƯỞNG, XỬ PHẠT

Điều 30. Khen thưởng, xử phạt

1. Các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên nước được khen thưởng kịp thời theo quy định.

2. Người có thẩm quyền quản lý nếu không có biện pháp quản lý đúng thời hạn quy định thì sẽ bị kỷ luật, nếu gây thiệt hại vật chất thì phải bồi thường theo quy định.

3. Người có thẩm quyền quản lý nếu lạm dụng quyền hạn, vượt quá thẩm quyền, thì tuỳ mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại vật chất thì phải bồi thường theo quy định.

4. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về quản lý tài nguyên nước, cản trở, chống đối người thi hành công vụ, dùng thủ đoạn gian dối, hối lộ, trốn tránh sự kiểm tra, xử lý của người có thẩm quyền thì tuỳ theo mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định về xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã và phường, xã, thị trấn, các tổ chức và cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND Thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Hồng Khanh

CÁC PHỤ LỤC HƯỚNG DẪN LẬP HỒ SƠ CẤP PHÉP.

(Ban hành kèm theo Quyết định số ...35.../2010/QĐ-UB ngày 16/8/2010 của UBND Thành phố Hà nội về việc cấp giấy phép thăm dò, khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào lưu vực nguồn nước trên địa bàn Thành phố Hà nội).

STT	Ký hiệu	Tên văn bản	Trang
Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất			
01	Mẫu số A1	Đơn đề nghị cấp phép thăm dò nước dưới đất	3
02	Mẫu số B1	Hướng dẫn lập Đề án thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 200 đến dưới 3000m^3/ngày đêm	5
03	Mẫu số B2	Hướng dẫn lập thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200 m^3/ngày đêm	8
Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất			
04	Mẫu số A2	Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất	10
05	Mẫu số B3	Hướng dẫn lập đề án khai thác nước dưới đất	12
06	Mẫu số B4	Hướng dẫn lập báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 200m^3/ngày đêm đến dưới 3000 m^3/ngày đêm	18
07	Mẫu số B5	Hướng dẫn lập báo cáo kết quả thi công giếng thăm dò khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200m^3/ngày đêm	22
Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt			
09	Mẫu số A3	Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt	24
10	Mẫu số B7.1	Hướng dẫn lập Đề án khai thác, sử dụng nước mặt	26
11	Mẫu số B7.2	Hướng dẫn lập báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt (đối với trường hợp đang khai thác nước nhưng chưa có giấy phép)	31
Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước			
12	Mẫu số A4	Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước	35
13	Mẫu số B8.1	Hướng dẫn lập đề án xả nước thải vào nguồn nước	38

14	Mẫu số B8.2	Hướng dẫn lập báo cáo xả nước thải vào nguồn nước (đối với trường hợp đang xả nước thải vào nguồn nước, đã có công trình xử lý nước thải nhưng chưa có giấy phép)	45
Hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước			
15	Mẫu số A5	Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất	49
16	Mẫu số B9.1	Hướng dẫn lập báo cáo tình hình thực hiện giấy phép thăm dò nước dưới đất (đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò nước dưới đất)	50
17	Mẫu số B9.2	Hướng dẫn lập đề án thăm dò nước dưới đất (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất)	51
18	Mẫu số A6	Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất	52
19	Mẫu số B9.3	Hướng dẫn lập báo cáo tình hình thực hiện giấy phép khai thác nước dưới đất (đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép khai thác nước dưới đất)	53
20	Mẫu số B9.4	Hướng dẫn lập Đề án khai thác nước dưới đất (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất)	55
21	Mẫu số A7	Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt	56
24	Mẫu số B10.1	Hướng dẫn lập báo cáo tình hình thực hiện giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt (đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt)	57
25	Mẫu số B10.2	Hướng dẫn lập Đề án khai thác, sử dụng nước mặt (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép)	58
26	Mẫu số A8	Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước	60
27	Mẫu số B11.1	Hướng dẫn lập báo cáo tình hình thực hiện giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép xả nước thải vào nguồn nước)	61
28	Mẫu số B11.2	Hướng dẫn lập đề án xả nước thải vào nguồn nước (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước)	62
29	Phụ lục G	Bản đăng ký công trình khai thác nước dưới đất (trường hợp không phải xin cấp phép)	65

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM *Mẫu số A.1*
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi: Sở Tài nguyên Môi trường Hà nội

1- Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:
1.1. Tên tổ chức/cá nhân:.....(2)
1.2. Địa chỉ:.....(3)
1.3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....
2- Lý do đề nghị cấp phép:
.....
.....
3- Nội dung đề nghị cấp phép:
3.1. Mục đích, quy mô thăm dò : .....(4)
3.2.Vị trí khu vực thăm dò:..... (5)
3.3. Diện tích thăm dò: .....km^2
3.4. Tầng chứa nước thăm dò: .....
- Kừt cấu giếng thăm dò (dự kiến)
- Chiều sâu giếng thăm dò (dự kiến)
3.5. Thời gian thi công: ..... tháng/năm.
3.6. Đơn vị lập đề án, đơn vị dự kiến thi công.....(6)
4. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có:
.....
.....
.....
.....
.....(7)

(tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên Môi trường Hà nội

Đề nghị Sở Tài nguyên Môi trường Hà nội xem xét, phê duyệt đề án và cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất cho *(tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép)*.

(tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) cam kết chấp hành đúng nội dung quy định trong giấy phép và quy định của pháp luật có liên quan./.

Hà nội.ngày....tháng.....năm.....

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép
Ký, ghi rõ họ tên, (đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN

(2) Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép: đối với cá nhân ghi rõ họ, tên, số Chứng minh nhân dân, ngày và nơi cấp, cơ quan cấp; đối với tổ chức thì ghi tên tổ chức, ngày tháng, năm thành lập, số và ngày cơ quan ký quyết định thành lập hoặc số giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(3) Trụ sở của tổ chức hoặc nơi cư trú của cá nhân đề nghị cấp phép.

(4) Nêu rõ mục đích thăm dò nước dưới đất: cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, tưới, nuôi trồng thuỷ sản...; lưu lượng khai thác dự kiến.....m^3/ngày.

(5) Ghi rõ thôn/xóm.....xã/phường/thị trấn.....huyện/quận...., toạ độ các góc diện tích khu vực thăm dò (theo hệ VN2000).

(6) Nêu rõ đơn vị lập đề án, đơn vị dự kiến thi công thăm dò (các đơn vị này phải có giấy phép hành nghề tư vấn lập đề án và hành nghề khoan nước dưới đất).

(7) Ghi rõ các giấy tờ, tài liệu kèm theo hồ sơ.

Ghi chú: Đối với các tổ chức, cá nhân không có tư cách pháp nhân và con dấu có thể được thay thế bằng yêu cầu nộp bản sao CMND/Hộ khẩu/Hộ chiếu người đứng đầu tổ chức đề nghị cấp phép

Mẫu số B.1

(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)

ĐỀ ÁN
THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT

.....*(1)*

(đối với công trình có lưu lượng từ 200m³/ngày đêm đến dưới 3000m³/ngày đêm)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP	ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN
ký, (đóng dấu nếu có)	*ký, đóng dấu*

Hà nội, tháng.../năm.....

(1) ghi tên công trình thăm dò, địa điểm và quy mô thăm dò

Mở đầu:

- Tên tổ chức/cá nhân xin phép thăm dò, khai thác nước dưới đất; lý do lập đề án thăm dò nước dưới đất (yêu cầu nước, mục đích khai thác, sử dụng nước; hiện trạng cấp nước, nguồn nước mặt, nguồn nước dưới đất trong khu vực...)

- Cơ sở xây dựng đề án (cơ sở pháp lý: quyết định đầu tư, phê duyệt dự án khả thi; cơ sở kỹ thuật: tài liệu địa chất, địa chất thuỷ văn, thuỷ văn...sử dụng để lập đề án...)

- Mục tiêu của đề án (thăm dò, lắp đặt công trình khai thác nước dưới đất phục vụ cấp nước cho.....với lưu lượng.....m3/ngày).

- Dự kiến tầng chứa nước khai thác; vị trí khu vực dự kiến bố trí công trình thăm dò, diện tích thăm dò.

- Tên đơn vị tư vấn, lập đề án thăm dò nước dưới đất (nếu có).

Chương 1: Sơ lược đặc điểm địa lý tự nhiên – kinh tế xã hội khu vực thăm dò

1- Vị trí địa lý

2- Địa hình, địa mạo

3- Khí tượng, thuỷ văn

4- Dân sinh - kinh tế

(*Khi mô tả đặc điểm địa hình, địa mạo, khí tượng thuỷ văn cần đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố này tới việc hình thành nguồn nước dưới đất*)

Chương 2: Điều kiện địa chất thuỷ văn và hiện trạng khai thác nước dưới đất trong khu vực thăm dò

1- Điều kiện địa chất thuỷ văn:

1.1. Các tầng chứa nước: (mô tả lần lượt các tầng chứa nước theo thứ tự từ trên xuống). Các nội dung mô tả gồm:

- Đặc điểm chứa nước, diện tích phân bố, chiều sâu phân bố, thành phần thạch học, đặc điểm vận động, động thái, dẫn nước...

- Chất lượng nước của từng tầng chứa nước (trong đó mô tả kỹ đặc điểm chất lượng nước của tầng chứa nước dự kiến thăm dò, khai thác): thành phần hoá học, yếu tố nhiễm bẩn, vi trùng và các nguyên tố vi lượng độc hại; so sánh với tiêu chuẩn cho phép.

1.2. Các lớp chứa nước yếu và cách nước: (mô tả diện phân bố, chiều sâu phân bố, chiều dày, thành phần thạch học, tính chất thấm...)

2- Hiện trạng khai thác nước dưới đất trong khu vực:

Chương 3: Dự kiến sơ đồ khai thác - Tính toán dự báo mực nước hạ thấp

1- Tính toán lưu lượng, số lượng giếng và dạng công trình khai thác.

2- Bố trí công trình khai thác (luận chứng chọn sơ đồ bố trí công trình).

3- Tính toán dự báo mực nước hạ thấp tại công trình khai thác, đánh giá ảnh hưởng của công trình khai thác dự kiến tới công trình đang khai thác trong vùng.

Chương 4: Phương pháp và khối lượng công tác thăm dò

1- Luận chứng chọn sơ đồ bố trí công trình thăm dò và dự kiến phương pháp tính trữ lượng.

2- Nội dung, khối lượng và phương pháp thăm dò.

(Nội dung, khối lượng các hạng mục công tác thăm dò và phương pháp thăm dò thiết kế trong đề án thăm dò phụ thuộc vào điều kiện địa chất thuỷ văn, mức độ nghiên cứu địa chất thuỷ văn ở từng vùng, từng khu vực và mục tiêu trữ lượng đặt ra). Các hạng mục công tác thăm dò chủ yếu bao gồm:

- Thu thập tài liệu; điều tra, khảo sát thực địa để nghiên cứu điều kiện địa chất thuỷ văn tại khu vực thăm dò (đối với vùng núi), điều tra hiện trạng khai thác (đối với vùng đồng bằng).

- Khảo sát địa vật lý (tuỳ theo điều kiện ĐCTV của từng vùng để chọn phương pháp đo, tuyến đo, số lượng điểm đo, hoặc không thiết kế công tác này.).

- Công tác khoan (thiết kế số lượng lỗ khoan, vị trí, chiều sâu, cấu trúc lỗ khoan, phương pháp khoan, kết cấu giếng...). Trường hợp thăm dò kết hợp lắp đặt giếng khai thác thì phải bổ sung thêm hạng mục khoan và kết cấu giếng khai thác.

- Công tác thí nghiệm thấm (múc, đổ nước thí nghiệm; bơm hút nước thí nghiệm: đơn, chùm, giật cấp; thời gian bơm; chế độ quan trắc; phương pháp, trình tự tiến hành).

- Công tác trắc địa: (xác định cao, toạ độ giếng).

- Công tác lấy mẫu và phân tích mẫu đất, mẫu nước (loại mẫu, số lượng, chỉ tiêu phân tích).

- Công tác trám lấp lỗ khoan sau khi kết thúc thăm dò (quy trình, vật liệu trám lấp).

- Công tác tổng hợp tài liệu và viết báo cáo kết quả thăm dò.

Bảng tổng hợp khối lượng các hạng mục công tác thăm dò

- Cách thức tổ chức, trình tự thực hiện, phương pháp, tiến độ thi công các hạng mục thăm dò để đạt được hiệu quả thăm dò cao và tránh lãng phí.

Chương 5: Dự toán khối lượng và kinh phí thăm dò

(Bảng tổng hợp khối lượng hạng mục thăm dò và dự toán kinh phí thực hiện)

Các phụ lục kèm theo đề án:

1. Quyết định đầu tư, phê duyệt dự án khả thi (đối với các dự án đầu tư); Văn bản của các cơ quan có thẩm quyền có liên quan tới việc thăm dò, khai thác nước (đối với các trường hợp khai thác không thuộc dự án đầu tư).

2. Cột địa tầng các lỗ khoan thăm dò, giếng khai thác, biểu phân tích chất lượng nước đã có trong khu vực.

3. Phương án công nghệ xử lý nước đạt tới chất lượng yêu cầu với mục đích sử dụng trước khi đưa vào sử dụng, được các cơ quan có chuyên môn về phân tích và xử lý nước thẩm định và chấp thuận.

4. Sơ đồ vị trí công trình thăm dò tỷ lệ 1:25.000 - 1:10.000 hoặc lớn hơn.

5. Sơ đồ cột địa tầng và dự kiến kết cấu lỗ khoan thăm dò (hoặc lỗ khoan thăm dò kết hợp lắp đặt giếng khai thác).

Mẫu số B.2

(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)

THIẾT KẾ
GIẾNG THĂM DÒ - KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

..... (1)

(đối với công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200m³/ngày đêm)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP *ký, (đóng dấu nếu có)*	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ *ký, đóng dấu*

Hà nội, tháng.../năm.....

(1) Ghi tên công trình, vị trí và lưu lượng giếng thiết kế

Mở đầu:

Nêu tên tổ chức/cá nhân xin phép thăm dò, khai thác nước dưới đất; lý do thiết kế giếng và xin phép thăm dò, khai thác nước dưới đất (*yêu cầu nước của tổ chức/cá nhân xin phép, hiện trạng hệ thống cấp nước trong khu vực, hiện trạng nguồn nước mặt, nguồn nước dưới đất và hiện trạng khai thác, sử dụng nước trong khu vực....*); tên tổ chức/cá nhân thiết kế và thi công lắp đặt giếng...

I. Lựa chọn nguồn nước:

1. Cơ sở chọn tầng chứa nước dự kiến thăm dò - khai thác: (*Nêu sơ lược đặc điểm nguồn nước dưới đất, các tầng chứa nước trong khu vực; hiện trạng các giếng khai thác trong khu vực: chiều sâu giếng, đặc điểm chất lượng nước nước, cột địa tầng giếng khai thác trong khu vực (nếu có).*

2. Dự kiến vị trí giếng thăm dò – khai thác: (*vị trí giếng, toạ độ, khoảng cách đến các giếng gần nhất, các nguồn gây nhiễm bẩn (nếu có)...*).

II. Thiết kế giếng thăm dò - khai thác:

1. Tính toán, lựa chọn đường kính giếng thăm dò - khai thác, lựa chọn đường kính lỗ khoan:

2. Lựa chọn cấu trúc giếng :

- Đường kính, chiều dài các đoạn ống chống, ống lọc:

- Loại ống chống, ống lọc (*ống thép thông thường, Inox, nhựa... Riêng đối với ống nhựa cần phải nêu rõ chiều dày thành ống, loại ống, nơi sản xuất*).

- Vật liệu chèn và quy trình chèn, trám xung quanh giếng khoan.

3. Phương pháp khoan, trình tự khoan: (*mô tả trình tự, phương pháp khoan thăm dò, khoan doa mở rộng đường kính....*).

4. Phương pháp, trình tự kết cấu giếng khai thác và phát triển giếng:

5. Bơm rửa: (*loại máy bơm, công suất; thời gian bơm...*)

6. Bơm thí nghiệm: (*loại máy bơm, công suất máy bơm, thời gian bơm, thời gian quan trắc mực nước, lưu lượng, chế độ quan trắc....*)

7. Lấy mẫu và phân tích mẫu nước:

- Số mẫu, loại mẫu và chỉ tiêu phân tích .....

III. Thời gian, tiến độ thực hiện:

- Thời gian tiến độ thực hiện.

- Bảng dự toán khối lượng và kinh phí

Các phụ lục kèm theo:

1. Sơ đồ bố trí giếng thăm dò - khai thác tỷ lệ 1:5.000 – 1:10.000

2. Hình vẽ cột địa tầng và thiết kế giếng thăm dò - khai thác nước dưới đất.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM — *Mẫu số A.2*
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi: Sở Tài nguyên Môi trường Hà nội (1)

1- Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:

1.1 Tên tổ chức/cá nhân.....(2)

1.2. Địa chỉ:.....(3)

1.3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

2- Lý do đề nghị cấp phép:

.....

3- Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Mục đích khai thác, sử dụng.....(4)

3.2. Tầng chứa nước khai thác..... (hoặc mạch lộ/hành lang/hang động.....)

3.3. Vị trí công trình khai thác: ..... (5)

3.4. Số giếng khai thác:.....(hoặc số mạch/hành lang/hang động khai thác)

3.5. Tổng lượng nước khai thác:.....(m^3/ngày đêm)

3.6. Chế độ khai thác:..... (giờ/ngày đêm)

Số hiệu, vị trí và thông số cụ thể của từng giếng khai thác cụ thể như sau:

Số hiệu giếng	Tọa độ		Lu lượng (m^3/ngày)	Chế độ khai thác (giờ/ngày)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nớc tĩnh (m)	Chiều sâu mực nớc động cho phép (m)	Đờng kính giếng	Đờng kính ống lọc	Chiều sâu giếng khoan
	X	Y			Từ	Đến					

4. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có:

.....

.....

.....

..... (6)

(*Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép)* gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên Môi trường Hà nội.....(7)

Đề nghị Sở Tài nguyên Môi trường Hà nội xem xét, cấp giấy phép cho (*tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*).

(*tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) cam kết chấp hành đúng nội dung quy định trong giấy phép và quy định của pháp luật có liên quan./.

Hà nội, ngày.....tháng.....năm.....

Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép
Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

Hướng dẫn viết đơn

(1) Tên cơ quan cấp phép

(2) Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép: đối với cá nhân ghi rõ họ, tên, số Chứng minh nhân dân, ngày và nơi cấp, cơ quan cấp; đối với tổ chức thì ghi tên tổ chức, ngày tháng, năm thành lập, số và ngày cơ quan ký quyết định thành lập hoặc số giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(3) Trụ sở của tổ chức hoặc nơi cư trú của cá nhân đề nghị cấp phép.

(4) Ghi cụ thể mục đích khai thác, sử dụng nước, ví dụ: cấp nước sinh hoạt, công nghiệp, tưới, khai khoáng, nuôi trồng thuỷ sản,...; Nếu cấp nước cho nhiều mục đích thì nêu cụ thể lượng nước cấp cho từng mục đích sử dụng.

(5) Ghi rõ vị trí công trình khai thác (thôn/xóm....xã/phường.... huyện/quận..), thuộc phạm vi đất được giao, được thuê hoặc được sử dụng để đặt công trình khai thác.

(6) Ghi rõ các giấy tờ, tài liệu kèm theo hồ sơ.

Ghi chú: Đối với các tổ chức, cá nhân không có tư cách pháp nhân và con dấu có thể được thay thế bằng yêu cầu nộp bản sao CMND/Hộ khẩu/Hộ chiếu người đứng đầu tổ chức đề nghị cấp phép

(Tên tổ chức đề nghị cấp phép)

ĐỀ ÁN
KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT
.....*(1)*

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
ký, (đóng dấu nếu có)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN
ký, đóng dấu

Hà nội, tháng.../năm.....

(1) ghi tên công trình khai thác, địa điểm và quy mô khai thác

Mở đầu:

- Nêu tên chủ đề án, giấy phép thăm dò nước dưới đất số.....,được cấp ngày....tháng....năm....., cơ quan cấp phép.....; bắt đầu thi công thăm dò ngày....tháng....năm....., kết thúc công tác thăm dò ngày.....tháng....năm.....; kết quả thăm dò (*nêu tóm tắt kết quả thăm dò: trữ lượng khai thác được đánh giá, phê duyệt.....; kết quả phân tích các chỉ tiêu chất lượng nước....)*

- Mục đích khai thác nước (*cấp nước cho ăn uống sinh hoạt/công nghiệp/tưới; nếu cấp cho ăn uống sinh hoạt thì cấp cho bao nhiêu người, cấp cho công nghiệp thì công nghiệp gì; cấp cho tưới thì diện tích tưới là bao nhiêu, loại cây trồng...).*

- Tổng lượng nước yêu cầu/tháng hoặc năm....; lưu lượng trung bình.... m^3/ngày đêm; lưu lượng lớn nhất.... m^3/ngày đêm; chế độ khai thác... giờ/ngày.

- Các văn bản pháp lý của cơ quan Nhà nước cho phép xây dựng công trình khai thác nước...

- Đơn vị tư vấn; lập đề án và thiết kế công trình khai thác nước....

I. Sơ lược đặc điểm tự nhiên, dân sinh - kinh tế khu vực khai thác

1- Vị trí địa lý

2- Đặc điểm địa hình địa mạo

3- Đặc điểm khí tượng, thuỷ văn

4- Đặc điểm dân cư – kinh tế xã hội

II. Đặc điểm các tầng chứa nước trong khu vực

- Chiều sâu, chiều dày các tầng chứa nước...

- Đặc điểm thấm nước, dẫn nước và các thông số của các tầng chứa nước qua tài liệu báo cáo kết quả thăm dò nước dưới đất...

III. Hiện trạng khai thác nước dưới đất và các nguồn nhiễm bẩn trong khu vực

1- Nêu chi tiết hiện trạng khai thác trong khu vực:

- Vị trí toạ độ, cao độ các giếng.

- Cấu trúc các giếng khai thác: Chiều sâu, đường kính giếng; Chiều sâu và đường kính các đoạn ống lọc, ống chống; loại vật liệu ống chống, ống lọc; Chiều sâu phân bố lớp sỏi lọc, kích thước sỏi lọc; Chiều sâu đoạn trám cách ly, loại vật liệu trám; Loại máy bơm sử dụng: mã hiệu, công suất, chiều sâu đặt máy hoặc chiều sâu ống hút.

(*Trường hợp không có đủ số liệu về cấu trúc giếng thì ít nhất phải có số liệu về đường kính giếng, tầng chứa nước khai thác, chế độ khai thác, mực nước tĩnh, mực nước động mùa khô, mùa mưa*).

- Lưu lượng khai thác của từng giếng và chế độ khai thác.

- Công trình xử lý nước: Hiện trạng chất lượng nước (thành phần hoá học, vi trùng, nhiễm bẩn); Biện pháp, quy trình xử lý nước; chất lượng nước sau khi xử lý...

- Hệ thống quan trắc và đới phòng hộ vệ sinh: Chế độ quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước tại các giếng khai thác; Phạm vị các đới bảo vệ vệ sinh công trình khai thác nước.

2- Hiện tượng biến đổi mực nước, chất lượng nước, sụt lún đất do công trình khai thác gây ra trong khu vực (nếu đã có).

3- Các nguồn thải, chất thải có khả năng gây ô nhiễm trong khu vực: vị trí, loại chất thải, lượng chất thải và phương thức thải chất thải.

IV. Tình hình khai thác nước

1- Năm bắt đầu khai thác...

2- Biến đổi lưu lượng khai thác qua các thời kỳ.... (biểu đồ khai thác nước).

3- Hiện trạng khai thác hiện tại: lưu lượng các giếng, tổng lượng nước khai thác từng tháng, lưu lượng trung bình ngày, lưu lượng ngày lớn, nhỏ nhất.

4- Đối tượng cấp nước hiện tại:

5- Diễn biến mực nước: chiều sâu mực nước tĩnh, mực nước động qua các thời kỳ và hiện tại ở các giếng khai thác và các giếng quan trắc (nếu có).

V. Dự báo mực nước hạ thấp, đánh giá chất lượng nước và tác động môi trường

1- Kết quả phân tích chất lượng nước qua các thời kỳ và hiện tại:

2- Đánh giá mức độ ổn định của chất lượng nước:

3- Đánh giá chất lượng nước cho mục đích sử dụng:

4- Tính dự báo mực nước hạ thấp do công trình dự kiến khai thác gây ra cho các công trình đang khai thác xung quanh; xác định lưu lượng và mực nước hạ thấp hợp lý.

5- Đánh giá khả năng nhiễm bẩn và xác định đới phòng hộ vệ sinh, thiết kế các biện pháp tiêu thoát nước khu vực công trình khai thác

6- Đánh giá tác động của công trình khai thác đến môi trường xung quanh như: sụt lún đất, sự thay đổi chất lượng nước, dòng mặt

VI. Thiết kế công trình khai thác nước dưới đất

1- Yêu cầu nước và chế độ dùng nước (xây dựng biểu đồ dùng nước)

2- Chọn tầng chứa nước và sơ đồ bố trí hệ thống giếng khai thác nước:

- Cơ sở chọn tầng chứa nước khai thác.....;

- Xác định các thông số của giếng (*lưu lượng, mực nước tĩnh, mực nước động*), số lượng giếng khoan và sơ đồ bố trí giếng khoan...;

3- Xác định, lựa chọn kết cấu giếng, quy trình thi công giếng: Đường kính giếng, chiều sâu giếng, đoạn cách ly, phương pháp cách ly nước mặt và nước dưới đất; chiều dài đoạn đặt ống lọc, kích thước và loại ống lọc, ống chống *(nêu rõ cơ sở lựa chọn)*; vật liệu chèn, cấp phối, bề dày lớp sỏi chèn; trình tư thi công kết cấu giếng, phát triển giếng (*kèm theo hình vẽ thiết kế cấu trúc giếng khai thác).*

4- Xác định chế độ kiểm tra, bảo dưỡng và bơm rửa giếng khoan khai thác.

5. Thiết kế công tác quan trắc động thái nước dưới đất và đới bảo vệ vệ sinh.

- Xác định chỉ tiêu quan trắc (*mực nước, lưu lượng, chất lượng nước)*, chế độ quan trắc tại các giếng khai thác.

- Xác định phạm vi các đới bảo vệ vệ sinh công trình khai thác.

VII. Lựa chọn công nghệ xử lý nước

- Xác định công nghệ xử lý nước và mô tả dây truyền công nghệ xử lý nước. Trường hợp kết quả phân tích chất lượng nguồn nước cho thấy hàm lượng một số chất như Asen (As), Amoni (NH4) và các thành phần độc hại khác như Chì (Pb), Mangan (Mn), Thủy ngân (Hg) .... vượt quá tiêu chuẩn cho phép hiện hành thì phải có phương án công nghệ xử lý nước đạt tới chất lượng cho phép với mục đích sử dụng, được cơ quan có chuyên môn thẩm định và chấp thuận.

Các phụ lục kèm theo Đề án:

1- Bản đồ địa chất thuỷ văn khu vực tỷ lệ 1: 25000 – 1: 50 000 (nếu khu vực khai thác đã có các loại bản đồ này).

2- Bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác (trên đó thể hiện: các giếng dự kiến khai thác, các giếng đã có, khu dân cư, nguồn gây ô nhiễm; hệ thống sông, hồ, kênh rạch...).

3- Bản vẽ thiết kế giếng khai thác (địa tầng, kết cấu giếng khoan dự kiến).

4- Tài liệu bơm nước thí nghiệm tại các giếng thăm dò và khai thác trong vùng.

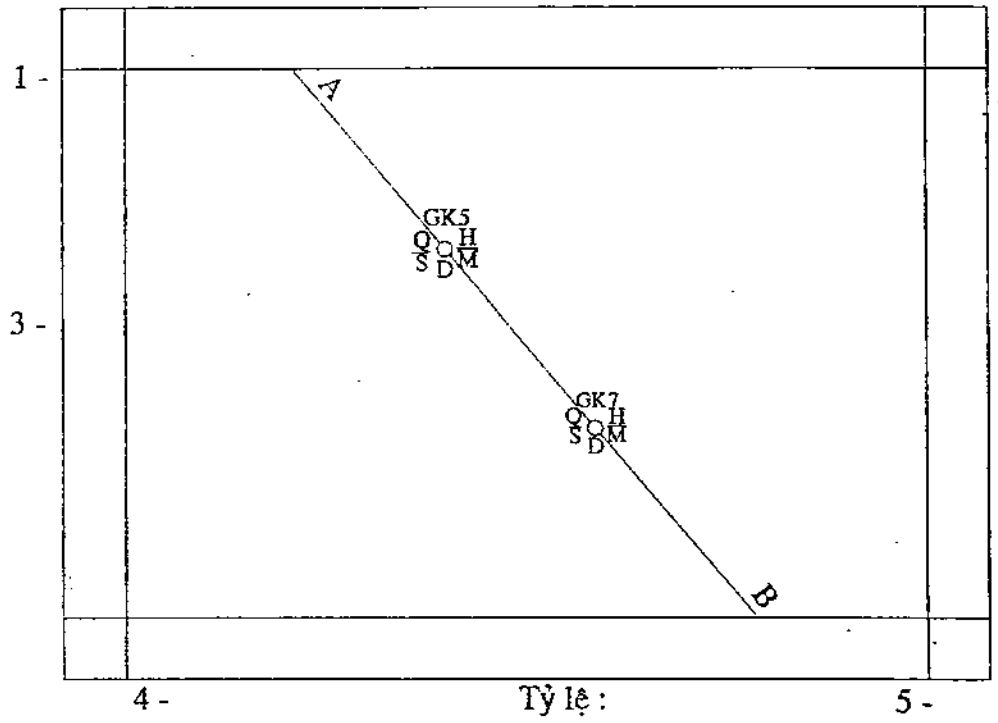
5- Kết quả phân tích chất lượng nước (chỉ tiêu hoá học, vi trùng).

6- Phương án công nghệ xử lý nước đạt tới chất lượng yêu cầu với mục đích sử dụng trước khi đưa vào sử dụng, được các cơ quan có chuyên môn về phân tích và xử lý nước thẩm định và chấp thuận.

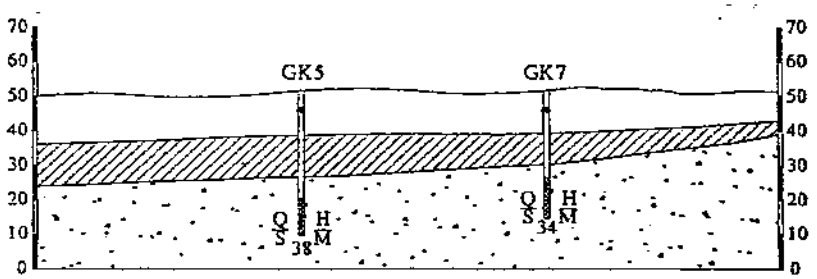
Ghi chú: Đối với công trình hiện đang khai thác nước thì bỏ mục VI. Thiết kế công trình khai thác nước dưới đất

(Bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất kèm theo đề án)

BẢN ĐỒ KHU VỰC VÀ VỊ TRÍ CÔNG TRÌNH
KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT
Khu vực .....



MẶT CẮT ĐỊA CHẤT THỦY VĂN TUYẾN AB
Tỷ lệ:.....



Vị trí các Mục 1, 2, 3, 4, 5 trên Bản đồ thể hiện các nội dung sau:

1. Toạ độ và cấu trúc các giếng khoan:

(kể cả các giếng khoan dự phòng và lỗ khoan quan trắc)

STT	Số hiệu GK	Toạ độ giếng		ống chống			ống lọc			ống lắng		
		X	Y	ϕ mm	từ (m)	đến (m)	ϕ mm	từ (m)	đến (m)	ϕ mm	từ (m)	đến (m)

2. Bản đồ này là phụ chương kèm theo Quyết định cho phép khai thác nước dưới đất số .....ngày..... tháng ..... năm....., do Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất Hà nội cấp cho (*tên chủ giấy phép*).

- Công trình khai thác này gồm.....giếng khoan/mét khoan; khai thác nước trong tầng .... (*tên tầng chứa nước*).
- Các giếng khai thác nằm trong giới hạn ..... m^2; đới bảo vệ vệ sinh được giới hạn bởi các điểm góc 1,2,3,4 .... có toạ độ được thể hiện trên bản đồ này.
- Các giếng được phép khai thác có thông số như sau:

Số TT	Số hiệu giếng	Chiều sâu giếng (m)	Toạ độ		Giới hạn khai thác			
			X	Y	Lưu lượng (m^3/ngày)	Hạ thấp mực nước (m)	Chế độ khai thác (giờ/ngày)	Ghi chú

- Thời hạn được phép khai thác ..... năm (từ năm ..... đến năm .....)

Hà nội, ngày ..... tháng ..... năm .....
(tên cơ quan cấp phép)
(thủ trưởng ký tên, đóng dấu)

3. Chỉ dẫn:

Q - lưu lượng khai thác, (l/s hoặc m^3/ngày đêm).

S - hạ thấp mực nước, (m).

H - chiều sâu mực nước tĩnh, (m).

M - tổng độ khoáng hoá, (g/l).

..... đường giao thông, hệ thống sông, hồ, bãi thải.....

4. - Người thành lập.....

- Người kiểm tra.....

5. Tên chủ giấy phép: (*Họ tên thủ trưởng, ký tên, đóng dấu).*

Mẫu số B.4

(Tên tổ chức đề nghị cấp phép)

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THĂM DÒ ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

.....*(1)*

(Đối với công trình có lưu lượng từ 200m³/ngày đêm đến dưới 3000m³/ngày đêm)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP *ký, (đóng dấu nếu có)*	ĐƠN VỊ LẬP BÁO CÁO *ký, đóng dấu*

Hà nội, tháng.../năm.....

(1) ghi tên công trình thăm dò, địa điểm và quy mô thăm dò

Mở đầu:

Nêu tóm tắt: cơ sở pháp lý của việc thăm dò nước dưới đất (*các quyết định đầu tư, phê duyệt dự án khả thi, quyết định phê duyệt đề án thăm dò và giấy phép thăm dò do cơ quan có thẩm quyền cấp*); mục đích thăm dò, phạm vi thăm dò, tầng chứa nước thăm dò, thời gian thi công thăm dò, thời gian kết thúc; đơn vị thi công thăm dò; cơ sở tài liệu lập báo cáo và đơn vị lập báo cáo....

Chương 1: Khối lượng các hạng mục công tác thăm dò đã thực hiện

1- Công tác điều tra, khảo sát thực địa:

2- Công tác khoan và kết cấu giếng:

3- Công tác bơm rửa và hút nước thí nghiệm:

4- Công tác lấy mẫu và phân tích mẫu:

.....

(*mô tả khối lượng, chất lượng từng hạng mục công tác thăm dò đã thực hiện theo đề án được phê duyệt*).

Chương 2: Đặc điểm địa chất thuỷ văn khu vực thăm dò

1- Mô tả đặc điểm chung các tầng chứa nước trong khu vực: diện tích, chiều sâu phân bố, thành phần thạch học, đặc tính chứa nước, dẫn nước, chiều sâu mực nước, biến đổi mực nước, chất lượng nước; các lớp thấm nước yếu và cách nước: diện tích, chiều sâu phân bố, thành phần thạch học, thành phần hạt, đánh giá mức độ cách nước.

2- Đánh giá mức độ chứa nước qua tài liệu bơm hút nước thí nghiệm.

3- Chất lượng nước dưới đất và nước mặt.

Chương 3: Tính toán trữ lượng khai thác nước dưới đất

1. Thiết kế công trình khai thác nước dưới đất

- Yêu cầu nước và chế độ dùng nước (xây dựng biểu đồ dùng nước)

- Chọn tầng chứa nước và sơ đồ bố trí hệ thống giếng khai thác nước:

- Cơ sở chọn tầng chứa nước khai thác.....;

- Xác định các thông số của giếng (*lưu lượng, mực nước tĩnh, mực nước động*), số lượng giếng khoan và sơ đồ bố trí giếng khoan...;

- Xác định, lựa chọn kết cấu giếng, quy trình thi công giếng: Đường kính giếng, chiều sâu giếng, đoạn cách ly, phương pháp cách ly nước mặt và nước dưới đất; chiều dài đoạn đặt ống lọc, kích thước và loại ống lọc, ống chống *(nêu rõ cơ sở lựa chọn)*; vật liệu chèn, cấp phối, bề dày lớp sỏi chèn; trình tư thi công kết cấu giếng, phát triển giếng (*kèm theo hình vẽ thiết kế cấu trúc giếng khai thác).*

- Xác định chế độ kiểm tra, bảo dưỡng và bơm rửa giếng khoan khai thác.

- Thiết kế công tác quan trắc động thái nước dưới đất và đới bảo vệ vệ sinh.

+ Xác định chỉ tiêu quan trắc (*mực nước, lưu lượng, chất lượng nước*), chế độ quan trắc tại các giếng khai thác.

+ Xác định phạm vi các đới bảo vệ vệ sinh công trình khai thác.

2- Tính thông số địa chất thuỷ văn theo tài liệu hút nước.

3- Tính toán hiệu suất giếng theo tài liệu bơm giật cấp (nếu có bơm giật cấp).

4- Dự kiến sơ đồ khai thác và tính trữ lượng khai thác:

+ Hiện trạng khai thác nước

+ Lựa chọn lưu lượng giếng khai thác

+ Bố trí công trình khai thác

+ Tính toán, dự báo mực nước hạ thấp tại các giếng khai thác dự kiến và các giếng đang khai thác xung quanh.

Chương 4: Đánh giá chất lượng nước và dự báo biến đổi chất lượng nước

1. Lựa chọn công nghệ xử lý nước

- Xác định công nghệ xử lý nước và mô tả dây truyền công nghệ xử lý nước. Trường hợp kết quả phân tích chất lượng nguồn nước cho thấy hàm lượng một số chất như Asen (As), Amoni (NH4) và các thành phần độc hại khác như Chì (Pb), Mangan (Mn), Thủy ngân (Hg) .... vượt quá tiêu chuẩn cho phép hiện hành thì phải có phương án công nghệ xử lý nước đạt tới chất lượng cho phép với mục đích sử dụng, được cơ quan có chuyên môn thẩm định và chấp thuận.

2- Đánh giá chất lượng nước về các mặt vật lý, hoá học, vi sinh, nhiễm bẩn.

3- Đánh giá tác động của các hoạt động kinh tế tới chất lượng nguồn nước dưới đất và ảnh hưởng của việc khai thác nước tới môi trường (như xâm nhập mặn, gia tăng nhiễm bẩn...).

Kết luận và kiến nghị:

- Kết luận về số lượng và chất lượng nguồn nước: (*theo mục tiêu trữ lượng và chất lượng đặt ra trong đề án*).

- Phân cấp trữ lượng khai thác:

- Kiến nghị sơ đồ khai thác, lưu lượng giếng, chế độ, thời gian khai thác và các chỉ tiêu chất lượng nước cần xử lý, đới bảo vệ vệ sinh....

Các phụ lục kèm theo báo cáo:

1- Sơ đồ bố trí công trình thăm dò nước dưới đất tỷ lệ 1:25.000 - 1:10.000 hoặc lớn hơn.

2- Hình trụ các lỗ khoan thăm dò, quan trắc.

3- Kết quả hút nước thí nghiệm và quan trắc mực nước.

4- Kết quả phân tích chất lượng nước.

5- Phương án công nghệ xử lý nước đạt tới chất lượng yêu cầu với mục đích sử dụng trước khi đưa vào sử dụng, được các cơ quan có chuyên môn về phân tích và xử lý nước thẩm định và chấp thuận. (có tính đến phương án tài chính).

6- Kết cấu giếng khai thác và kết quả bơm giật cấp nếu việc thăm dò có kết hợp lắp đặt giếng khai thác.

7- Kết quả đo địa vật lý (nếu có).

Mẫu số B.5

(Tên tổ chức đề nghị cấp phép)

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THI CÔNG GIẾNG KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

.....*(1)*

(đối với công trình có lưu lượng dưới 200m³/ngày đêm)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP	ĐƠN VỊ LẬP BÁO CÁO
ký, (đóng dấu nếu có)	*ký, đóng dấu*

Hà nội, tháng.../năm.....

(1) ghi tên công trình, địa điểm và lưu lượng giếng khai thác

Mở đầu:

Nêu cơ sở thi công giếng thăm dò - lắp đặt giếng khai thác, vị trí giếng, tầng chứa nước thăm dò - khai thác; thời gian bắt đầu và kết thúc thi công; đơn vị thi công....

1. Kết quả thi công thăm dò, lắp đặt giếng khai thác:

- Mô tả trình tự quá trình khoan (*loại máy khoan, đường kính lỗ khoan, loại dung dịch sử dụng, khoan thăm dò lấy mẫu, khoan doa mở rộng đường kính để lắp đặt giếng...*), địa tầng lỗ khoan (*thành phần thạch học đất đá, chiều dày các lớp, đặc biệt thành phần thạch học và chiều dày của tầng chứa nước khai thác*).

- Mô tả trình tự lắp đặt giếng, cấu trúc giếng (*chiều sâu giếng, đường kính, chiều dài đoạn ống chống, ống lọc, loại ống chống, ống lọc, chiều dày thành ống...*).

- Trình bầy trình tự công tác bơm nước thí nghiệm: loại máy bơm, công suất máy, lưu lượng bơm, thời gian bơm, kết quả đo mực nước tĩnh, mực nước động và lưu lượng trong quá trình bơm; kết quả đo hồi phục, thời gian hồi phục....

- Công tác lấy mẫu và phân tích mẫu nước: Thời điểm lấy mẫu, loại mẫu, số lượng mẫu, chỉ tiêu phân tích và nơi phân tích mẫu...

2. Tính toán, dự báo mực nước hạ thấp:

- Trên cơ sở kết quả bơm nước thí nghiệm, kết quả phân tích chất lượng nước tiến hành:

+ Tính toán, dự báo mực nước hạ thấp (so sánh với mực nước hạ thấp cho phép).

+ Đánh giá chất lượng nguồn nước (các chỉ tiêu chính, theo mục đích sử dụng).

+ Đánh giá ảnh hưởng của việc khai thác tại giếng khai thác tới các giếng xung quanh (nếu có).

3. Kết luận: về khả năng khai thác nước nước dưới đất, lưu lượng khai thác của giếng, kiến nghị các chỉ tiêu chất lượng nước cần xử lý, biện pháp bảo vệ, phòng hộ vệ sinh khu vực giếng khai thác...

Phụ lục kèm theo báo cáo:

1- Sơ đồ vị trí giếng.

2- Hình vẽ cột địa tầng lỗ khoan và cấu trúc giếng khai thác.

3- Kết quả phân tích chất lượng nước: thành phần hoá học và vi trùng.

4- Phương án công nghệ xử lý nước đạt tới chất lượng yêu cầu với mục đích sử dụng trước khi đưa vào sử dụng, được các cơ quan có chuyên môn về phân tích và xử lý nước thẩm định và chấp thuận.

Mẫu số A.3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

Kính gửi: Sở Tài nguyên Môi trường Hà nội (1)

1. Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:

1.1 Tên tổ chức/cá nhân..... *(2)*

1.2. Địa chỉ.....*(3)*

1.3. Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

2. Lý do đề nghị cấp phép:

.....

.....

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Mục đích khai thác, sử dụng:.....*(4)*

3.2. Nguồn nước khai thác, sử dụng:.....*(5)*

3.3. Vị trí công trình khai thác, sử dụng:.

- Thôn/xóm..... xã/phường.....huyện/quận.....
- Toạ độ: .....*(6)*

3.4. Công trình khai thác, sử dụng:

- Công trình đã có hay công trình dự kiến xây dựng: đã có/dự kiến
- Loại hình công trình:.....*(7)*

3.5. Lượng nước yêu cầu khai thác, sử dụng:.....*(8)*

3.6. Chế độ khai thác, sử dụng:.....*(9)*

3.7. Thời gian khai thác, sử dụng nước :.....

4. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có:

.....

.....

.....*(10)*

(*Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên Môi trường

Đề nghị Sở Tài nguyên Môi trường Hà nội xem xét, cấp giấy phép khai thác sử dụng nước mặt cho (*tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*).

(*Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) cam kết chấp hành đúng nội dung quy định trong giấy phép và quy định của pháp luật có liên quan./.

..... ngày.....tháng..... năm.....

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép
Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu, nếu có)

Hướng dẫn viết đơn

(1) Tên cơ quan cấp phép:

(2) Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép: đối với cá nhân ghi rõ họ, tên, số CMND, ngày và nơi cấp, cơ quan cấp; đối với tổ chức thì ghi tên tổ chức, ngày, tháng, năm thành lập, số và ngày, cơ quan ký quyết định thành lập hoặc số giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

(3) Trụ sở của tổ chức hoặc nơi cư trú của cá nhân đề nghị cấp phép.

(4) Ghi cụ thể mục đích khai thác, sử dụng nước (tưới, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp, khai khoáng, phát điện, nuôi trồng thuỷ sản,...)

(5) Ghi tên sông, suối, rạch, hồ, đầm, ao đề nghị được phép khai thác, sử dụng; trường hợp có chuyển nước giữa các sông cần ghi cả tên nguồn nước chuyển đi và tên nguồn nước tiếp nhận lượng nước chuyển sang.

(6) Nêu toạ độ (theo hệ VN2000) của trung tâm các hạng mục chính của công trình khai thác, sử dụng nước: cửa lấy nước, trạm bơm, đập chính, nhà máy thuỷ điện,..., toạ độ vị trí xả nước của nhà máy thuỷ điện vào nguồn nước.

(7) Loại hình công trình khai thác, sử dụng nước mặt, ví dụ: hồ chứa, đập dâng nước, đập tràn, cống lấy nước, kênh dẫn nước, trạm bơm nước,...

(8) Kê khai các đại lượng sau đối với từng mục đích khai thác, sử dụng:

- *Lưu lượng lấy nước lớn nhất (m^3/s), lượng nước khai thác, sử dụng lớn nhất theo ngày (m^3/ngàyđêm) và theo năm (m^3/năm) đối với khai thác, sử dụng nước phục vụ các mục đích không phải là thuỷ điện;*
- *Công suất lắp máy (KW) đối với thuỷ điện không có chuyển đổi dòng chảy;*
- *Công suất lắp máy (KW) và lưu lượng chuyển đổi dòng chảy (m^3/s) đối với thuỷ điện có chuyển đổi dòng chảy.*

(9) Ước tính lượng nước lấy lớn nhất trong từng tháng (m^3/tháng) đối với khai thác, sử dụng nước phục vụ các mục đích không phải là thuỷ điện, lưu lượng xả nhỏ nhất (m^3/s) sau công trình trong từng tháng đối với thuỷ điện

(10) Ghi rõ các giấy tờ, tài liệu kèm theo hồ sơ.

Ghi chú: Đối với các tổ chức, cá nhân không có tư cách pháp nhân và con dấu có thể được thay thế bằng yêu cầu nộp bản sao CMND/Hộ khẩu/Hộ chiếu người đứng đầu tổ chức đề nghị cấp phép

Tên tổ chức đề nghị cấp phép
(Trang bìa trong)

ĐỀ ÁN KHAI THÁC SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

.....*(1)*

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
Ký (đóng dấu, nếu có)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN
Ký, đóng dấu

Hà nội, tháng...../năm.....

(1) Ghi tên nguồn nước khai thác, sử dụng, tên dự án/công trình, địa điểm khai thác, sử dụng

HƯỚNG DẪN LẬP ĐỀ ÁN
KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

(Đề nghị cấp giấy phép trong trường hợp chưa có công trình khai thác, sử dụng)

Mở đầu

- Nguồn nước khai thác, sử dụng (tên sông, suối, rạch, hồ, đầm, ao) và địa điểm khai thác (thôn/ấp/đường, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố)

- Sự cần thiết, căn cứ pháp lý của việc xin phép khai thác, sử dụng nước (nêu tên các văn bản pháp lý có liên quan như quyết định thành lập tổ chức, giấy đăng ký kinh doanh (nếu có), văn bản cho phép đầu tư, văn bản phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (nếu có), văn bản phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, văn bản phê duyệt thiết kế kỹ thuật, ...)

- Sự phù hợp của việc khai thác, sử dụng nước với quy hoạch khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước của vùng, lưu vực sông (nêu tên các văn bản phê duyệt quy hoạch)

- Nguồn gốc các thông tin, tài liệu sử dụng để xây dựng đề án (tên tổ chức có tư cách pháp lý cung cấp các tài liệu về thăm dò, khảo sát địa hình, địa chất, địa chất thuỷ văn, thuỷ văn, khí tượng, chất lượng nước..., tên các báo cáo được cấp có thẩm quyền phê duyệt đã được sử dụng để lập đề án như báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo thiết kế kỹ thuật....)

I. Đặc điểm nguồn nước

1. Sơ lược về đặc điểm tự nhiên: mạng lưới sông suối, địa hình, khí tượng thuỷ văn

2. Lượng và chế độ dòng chảy:

- Thuyết minh số liệu dùng để đánh giá nguồn nước trong đề án: vị trí đo, số năm có số liệu quan trắc, chất lượng số liệu. (số liệu mực nước, lưu lượng nước của các trạm quan trắc tại vị trí công trình và ở thượng lưu, hạ lưu công trình)

- Trình bày phương pháp tính toán, đánh giá nguồn nước được sử dụng trong đề án

- Lượng nước và sự biến đổi lượng nước trong thời kỳ nhiều năm (Mực nước, lưu lượng trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất năm)

- Sự biến đổi của lượng nước theo các tháng trong năm (Mực nước, lưu lượng trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất của từng tháng)

- Chế độ triều, biên độ triều (đối với các công trình khai thác nước nằm trong vùng ảnh hưởng triều)

- Những yếu tố ảnh hưởng đến lượng và chất lượng nguồn nước tại vị trí khai thác

- Trong trường hợp có chuyển nước từ sông này sang sông khác cần mô tả lượng và chế độ dòng chảy của cả nguồn nước chuyển đi và nguồn nước tiếp nhận

3. Chất lượng nguồn nước:

- Đánh giá chất lượng nguồn nước dựa trên số liệu đo chất lượng nước tại các trạm quan trắc gần nhất nằm phía thượng lưu và hạ lưu trong thời gian có số liệu quan trắc

- Kết quả phân tích chất lượng nước cho mục đích sử dụng tại thời điểm xin cấp phép.

- Xác định công nghệ xử lý nước và mô tả dây truyền công nghệ xử lý nước. Trường hợp kết quả phân tích chất lượng nguồn nước cho thấy hàm lượng một số chất như Asen (As), Amoni (NH4) và các thành phần độc hại khác như Chì (Pb), Mangan (Mn), Thủy ngân (Hg) .... vượt quá tiêu chuẩn cho phép hiện hành thì phải có phương án công nghệ xử lý nước đạt tới chất lượng cho phép với mục đích sử dụng, được cơ quan có chuyên môn thẩm định và chấp thuận.

II. Xác định nhu cầu nước.

1. Nhiệm vụ và quy mô phục vụ của công trình (diện tích tưới, số dân được cấp nước, vùng được cấp nước, công suất phát điện,...)

2. Phương pháp tính toán nhu cầu nước cho các mục đích sử dụng khác nhau: tưới, phát điện, cấp nước công nghiệp, cấp nước sinh hoạt, ...

3. Kết quả tính toán nhu cầu nước.

a) Đối với khai thác, sử dụng nước phục vụ nông nghiệp:

- Đối với các công trình lấy nước: kết quả tính toán nhu cầu nước trong từng tháng của các năm điển hình (theo các tần suất thiết kế, năm nhiều nước, năm ít nước....)

- Đối với các công trình điều tiết nước: nêu nhu cầu tích nước, xả nước theo từng tháng của các năm điển hình

b) Đối với khai thác, sử dụng nước để phát điện

- Nhu cầu tích nước, xả nước để phát điện theo từng tháng của các năm điển hình, theo các giờ trong ngày

c) Khai thác sử dụng nước cho các mục đích khác

- Nhu cầu nước trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất trong từng tháng

- Nhu cầu tích nước, xả nước, lấy nước vào các thời gian khác nhau

- Các yêu cầu khác về diện tích mặt nước, lưu lượng, mực nước, độ sâu nước, chênh lệch mực nước... cho các mục đích khai thác, sử dụng.

d) Tổng hợp nhu cầu nước cho các mục đích sử dụng (đối với các công trình khai thác sử dụng nước phục vụ nhiều mục đích)

III Phương thức khai thác, sử dụng nước

1. Công trình khai thác, sử dụng nước

a) Vị trí công trình:

- Địa danh hành chính: thôn/xóm....xã/phường.....huyện/quận
- Toạ độ (theo hệ toạ độ VN2000):

Nêu toạ độ của tim các hạng mục công trình chính: cửa lấy nước, trạm bơm, đập , nhà máy thuỷ điện,...., toạ độ vị trí xả nước của nhà máy thuỷ điện vào nguồn nước

Toạ độ các góc khu vực công trình khai thác, sử dụng nước:

b) Loại hình công trình khai thác: (hồ chứa, đập dâng, trạm bơm, cống và các loại hình khác).

- Lựa chọn vị trí công trình khai thác, sử dụng nước: lý giải việc lựa chọn vị trí lấy nước, vị trí công trình khai thác, sử dụng nước
- Mô tả cách thức khai thác, sử dụng nước bằng các hạng mục của công trình khai thác, sử dụng nước
- Các thông số cơ bản của các công trình khai thác nước (hồ chứa, trạm bơm, kênh, đập dâng, đập tràn...).
- Trường hợp có chuyển nước từ sông này sang sông khác cần mô tả thêm về lưu vực sông tiếp nhận nước, lượng và phương thức chuyển nước.
- Mô tả biện pháp giám sát quá trình khai thác, sử dụng nước của công trình: loại dụng cụ đo đạc, yếu tố đo đạc, chế độ đo đạc...

2. Chế độ khai thác, sử dụng:

- Mô tả quy trình vận hành công trình khai thác, sử dụng nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong giai đoạn thiết kế kỹ thuật.
- Mô tả chế độ lấy nước, chế độ điều tiết nước của công trình theo các năm điển hình (nêu rõ lượng nước khai thác lớn nhất trong từng tháng, lưu lượng xả nhỏ nhất sau công trình trong từng tháng)

IV. Ảnh hưởng của việc khai thác, sử dụng nước tới nguồn nước, môi trường và các đối tượng sử dụng nước khác.

1. Tác động tới nguồn nước

Đánh giá ảnh hưởng của việc khai thác, sử dụng nước tới số lượng, chất lượng nguồn nước và chế độ dòng chảy; mô tả việc xả nước thải: lượng, chất lượng nước xả thải, vị trí tiếp nhận nước xả thải trong thời hạn đề nghị cấp phép

2. Tác động tới việc khai thác, sử dụng nước của các đối tượng sử dụng nước khác trong lưu vực.

- Các công trình khai thác, sử dụng nước hiện có ở thượng lưu, hạ lưu công trình dự kiến
- Ảnh hưởng của việc khai thác, sử dụng nước của công trình tới các công trình khai thác, sử dụng nước hiện có

V. Các vấn đề khác liên quan đến việc đề nghị cấp phép khai thác sử dụng nước mặt (nếu có)

PHỤ LỤC KÈM THEO ĐỀ ÁN

1. Bản sao các văn bản pháp lý có liên quan tới việc xin phép khai thác, sử dụng nước: quyết định thành lập tổ chức, giấy đăng ký kinh doanh (nếu có), văn bản cho phép đầu tư, văn bản phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (nếu có), văn bản phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, văn bản phê duyệt thiết kế kỹ thuật, văn bản phê duyệt đánh giá tác động môi trường, văn bản phê duyệt quy hoạch liên quan đến việc khai thác, sử dụng nước.

2. Các tài liệu đã sử dụng để lập đề án: Báo cáo nghiên cứu khả thi (thuyết minh chung và các thuyết minh chuyên đề có liên quan đến nguồn nước), báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo thiết kế kỹ thuật (các tập thiết kế kỹ thuật có liên quan đến việc khai thác, sử dụng nước, quy trình vận hành công trình khai thác, sử dụng nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt)...

3. Phương án công nghệ xử lý nước đạt tới chất lượng yêu cầu với mục đích sử dụng trước khi đưa vào sử dụng, được các cơ quan có chuyên môn về phân tích và xử lý nước thẩm định và chấp thuận.

Hà nội, ngày... tháng... năm.....

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số B7.2

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

(Trang bìa trong)

BÁO CÁO KHAI THÁC SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

.....*(1)*

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép
Ký (đóng dấu, nếu có)

Đơn vị lập báo cáo
Ký, đóng dấu

Hà nội, tháng.....năm.....

(1) Ghi tên công trình, tên nguồn nước khai thác, sử dụng, địa điểm khai thác, sử dụng

HƯỚNG DẪN LẬP BÁO CÁO

KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

(Xin cấp giấy phép trong trường hợp đang có công trình khai thác, sử dụng)

Mở đầu

- Nhiệm vụ của công trình, căn cứ pháp lý của việc xin phép khai thác, sử dụng nước (tên các văn bản pháp lý có liên quan tới việc xin phép khai thác, sử dụng nước như quyết định thành lập tổ chức, giấy đăng ký kinh doanh (nếu có), văn bản phê duyệt thiết kế kỹ thuật, văn bản phê duyệt quy trình vận hành của công trình, văn bản giao nhiệm vụ quản lý, vận hành công trình, ...)

- Nguồn nước khai thác (tên sông, suối, rạch, hồ, đầm , ao) và địa điểm khai thác (thôn/ấp, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố)

- Nguồn gốc các thông tin, tài liệu sử dụng để xây dựng báo cáo (tên tổ chức có tư cách pháp lý cung cấp các tài liệu, tên các tài liệu được cấp có thẩm quyền phê duyệt được sử dụng để lập báo cáo ...)

I. Đặc điểm nguồn nước

- Mô tả khái quát mạng lưới sông suối, chế độ thuỷ văn trên lưu vực sông

- Tình hình quan trắc mực nước, lưu lượng nước, chất lượng nước tại khu vực khai thác, sử dụng

- Diễn biến mực nước, lưu lượng nước tại khu vực khai thác.

- Diễn biến chất lượng nước của nguồn nước tại vị trí khai thác (kết quả phân tích chất lượng nước trong thời gian khai thác và tại thời điểm đề nghị cấp giấy phép.

- Những yếu tố ảnh hưởng đến lượng và chất lượng nguồn nước tại vị trí khai thác.

- Xác định công nghệ xử lý nước và mô tả dây truyền công nghệ xử lý nước. Trường hợp kết quả phân tích chất lượng nguồn nước cho thấy hàm lượng một số chất như Asen (As), Amoni (NH4) và các thành phần độc hại khác như Chì (Pb), Mangan (Mn), Thủy ngân (Hg) .... vượt quá tiêu chuẩn cho phép hiện hành thì phải có phương án công nghệ xử lý nước đạt tới chất lượng cho phép với mục đích sử dụng, được cơ quan có chuyên môn thẩm định và chấp thuận.

II. Lượng nước khai thác, sử dụng.

Nhiệm vụ và quy mô phục vụ của công trình (diện tích tưới, số dân được cấp nước, vùng được cấp nước, công suất phát điện,...)

1. Lượng nước khai thác, sử dụng trong thời gian đã vận hành công trình

Số ngày lấy nước, tổng lượng nước đã khai thác trong từng năm ($10^6 m^3$/năm), lượng nước lớn nhất đã khai thác trong một tháng (m^3/tháng), lượng nước lớn nhất đã khai thác trong ngày (m^3/ngày)...

Đối với các công trình điều tiết nước: lượng nước xả lớn nhất, nhỏ nhất sau công trình trong thời gian vận hành

2. Lượng nước khai thác, sử dụng đề nghị được cấp phép

a) Khai thác, sử dụng nước phục vụ nông nghiệp:

- Đối với các công trình lấy nước: nhu cầu nước trong từng tháng của các năm điển hình (theo các tần suất thiết kế, năm nhiều nước, năm ít nước....)

- Đối với các công trình điều tiết nước: nhu cầu tích nước, xả nước, lấy nước theo từng tháng của các năm điển hình

b) Khai thác, sử dụng nước để phát điện

- Nhu cầu tích nước, xả nước, lấy nước để phát điện theo từng tháng của các năm điển hình, theo các giờ trong ngày

c) Khai thác sử dụng nước cho các mục đích khác

- Nhu cầu nước trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất trong từng tháng của các năm

- Nhu cầu tích nước, xả nước, lấy nước vào các thời gian khác nhau

- Các yêu cầu khác về diện tích mặt nước, lưu lượng, mực nước, độ sâu nước, chênh lệch mực nước... cho các mục đích khai thác, sử dụng.

d) Tổng hợp nhu cầu nước cho các mục đích sử dụng (đối với các công trình khai thác sử dụng nước phục vụ nhiều mục đích)

III Phương thức khai thác, sử dụng nước

1. Công trình khai thác, sử dụng nước:

- Vị trí công trình:

+ Địa danh hành chính: thôn/ấp....xã/phường.....huyện/quận.....tỉnh/thành phố

+Toạ độ (theo hệ toạ độ VN2000):

Nêu toạ độ các hạng mục công trình chính: cửa lấy nước (tim cửa lấy nước), trạm bơm (tim nhà trạm), các tuyến đập (tim đập), nhà máy thuỷ điện (tim nhà máy)....

Tọa độ các góc khu vực công trình khai thác, sử dụng nước:

- Năm xây dựng, năm bắt đầu khai thác khai thác
- Loại hình công trình khai thác (hồ chứa, đập dâng, trạm bơm, cống,....) và các thông số cơ bản của công trình.
- Trường hợp có chuyển nước từ sông này sang sông khác cần nêu rõ lượng và phương thức chuyển nước.

- Các biện pháp đo đạc, giám sát quá trình khai thác, sử dụng nước hiện có tại khu vực khai thác (yếu tố đo đạc, thiết bị đo, tần suất đo ...)
- Những thay đổi, điều chỉnh về nhiệm vụ và thông số của công trình đã thực hiện trong quá trình khai thác, sử dụng.
- Nêu những thay đổi, điều chỉnh công trình trong thời gian đề nghị cấp phép

2. Chế độ khai thác, sử dụng nước

- Mô tả quy trình vận hành công trình khai thác, sử dụng nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong giai đoạn khai thác, vận hành và tình hình thực hiện qui trình vận hành trong thời gian đã vận hành công trình;
- Các giá trị trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất của lượng nước khai thác, lượng nước trữ, lượng nước xả sau công trình của từng tháng trong năm.
- Mô tả quy trình vận hành công trình khai thác, sử dụng nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chế độ lấy nước, chế độ điều tiết nước trong thời gian đề nghị cấp phép.

IV. Ảnh hưởng của việc khai thác, sử dụng nước tới nguồn nước, môi trường và các đối tượng sử dụng nước khác.

1. Tác động tới nguồn nước

Đánh giá ảnh hưởng của việc khai thác, sử dụng nước tới số lượng, chất lượng nguồn nước và chế độ dòng chảy; mô tả việc xả nước thải: lượng, chất lượng nước xả thải, vị trí tiếp nhận nước xả thải trong thời hạn đề nghị cấp phép

2. Tác động tới việc khai thác, sử dụng nước của các đối tượng sử dụng nước khác trong lưu vực.

- Các công trình khai thác, sử dụng nước hiện có ở thượng lưu, hạ lưu công trình - Ảnh hưởng của việc khai thác, sử dụng nước của công trình tới các công trình khai thác, sử dụng nước hiện có

III. Các vấn đề khác liên quan đến việc đề nghị cấp phép khai thác, sử dụng nước mặt (nếu có)

PHỤ LỤC KÈM THEO BÁO CÁO

1. Bản sao các văn bản pháp lý có liên quan tới việc xin phép khai thác, sử dụng nước: quyết định thành lập tổ chức, giấy đăng ký kinh doanh (nếu có), văn bản phê duyệt thiết kế kỹ thuật, văn bản giao nhiệm vụ quản lý, vận hành công trình, văn bản phê duyệt quy trình vận hành của công trình, ...)
2. Các tài liệu đã sử dụng để lập báo cáo như báo cáo thiết kế kỹ thuật (các phần có liên quan đến việc khai thác, sử dụng nước), quy trình vận hành công trình khai thác, sử dụng nước ....
3. Phương án công nghệ xử lý nước đạt tới chất lượng yêu cầu với mục đích sử dụng trước khi đưa vào sử dụng, được các cơ quan có chuyên môn về phân tích và xử lý nước thẩm định và chấp thuận.

Hà nội, ngày... tháng... năm.....

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số A.4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

Kính gửi: Sở Tài nguyên Môi trường Hà nội (1)

1- Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân:.....(2)

1.2. Địa chỉ:.....(3)

1.3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

1.4. Hoạt động xả nước thải vào nguồn nước.....(4)

2- Lý do đề nghị cấp phép:

.....

.....

3- Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải:.....(5)

3.2. Vị trí nơi xả nước thải:

Thôn/xóm.....xã/phường.....huyện/quận

Toạ độ vị trí xả thải.....(6)

3.3. Phương thức xả nước thải:

- Mô tả phương thức xả nước thải:.....(7)
- Mô tả chế độ xả nước thải:.....(8)
- Lưu lượng xả trung bình: m^3/ngàyđêm; m^3/h
- Lưu lượng xả lớn nhất: m^3/ngàyđêm; m^3/h

3.4. Chất lượng nước thải:.....(9)

3.5. Thời gian xả nước thải vào nguồn nước :.....

4. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có:

.....

.....(10)

(Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên môi trường Hà nội

Đề nghị Sở Tài nguyên môi trường Hà nội xem xét cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước cho (*tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*).

(Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) cam kết chấp hành đúng nội dung quy định trong giấy phép và quy định của pháp luật có liên quan./.

.....ngày....tháng.....năm.....

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép
Ký, ghi rõ họ tên, (đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN

(1) Tên cơ quan cấp phép:

(2) Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép: đối với cá nhân ghi rõ họ, tên, số Chứng minh nhân dân, ngày và nơi cấp, cơ quan cấp; đối với tổ chức thì ghi tên tổ chức, ngày tháng, năm thành lập, số và ngày cơ quan ký quyết định thành lập hoặc số giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(3) Trụ sở của tổ chức hoặc nơi cư trú của cá nhân đề nghị cấp phép.

(4) Phần này chỉ áp dụng với trường hợp đã có hoạt động xả nước thải vào nguồn nước trước thời điểm xin cấp phép: cần nêu rõ cơ sở đã có công trình xử lý nước thải hay chưa có công trình xử lý nước thải; nếu có công trình xử lý nước thải thì phải nêu rõ năm bắt đầu vận hành công trình.

(5) Ghi rõ tên sông, suối, rạch, vùng biển ven bờ, hồ, đầm, ao đề nghị được phép xả nước thải vào nguồn nước.

(6) Ghi rõ toạ độ vị trí cửa xả nước thải theo hệ toạ độ VN 2000

(7) Nêu rõ xả nước thải theo phương thức bơm, tự chảy, xả ngầm, xả mặt, xả ven bờ, xả giữa hồ, sông....

(8) Nêu rõ chu kỳ xả nước thải, thời gian xả nước thải của một chu kỳ.

(9) Ghi rõ tên Tiêu chuẩn Việt Nam mà chất lượng nước thải đã đạt được (với trường hợp đang có hoạt động xả nước thải vào nguồn nước) hoặc sẽ đạt được (với trường hợp chưa xả nước thải vào nguồn nước). Trong trường hợp đang có hoạt động xả nước thải vào nguồn nước mà chất lượng nước thải chưa đạt Tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành thì phải liệt kê thông số và nồng độ các chất ô nhiễm chưa đạt Tiêu chuẩn Việt Nam và cam kết thời hạn xử lý chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành. Trước mắt phải xử lý đạt tới độ nào.

(10) Ghi rõ các giấy tờ, tài liệu kèm theo hồ sơ.

Ghi chú: Đối với các tổ chức, cá nhân không có tư cách pháp nhân và con dấu có thể được thay thế bằng yêu cầu nộp bản sao CMND/Hộ khẩu/Hộ chiếu người đứng đầu tổ chức đề nghị cấp phép

Mẫu số **B8.1**

(Tên tổ chức đề nghị cấp phép)

ĐỀ ÁN
XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
.....(1)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP	ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN
ký, (đóng dấu nếu có)	*ký, đóng dấu*

Hà nội, tháng.../năm.....

(1) Ghi tên cơ sở xả nước thải

HƯỚNG DẪN LẬP ĐỀ ÁN
XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
(Đối với cơ sở xả nước thải yêu cầu xin cấp phép mới)

Mở đầu

- Giới thiệu sơ lược về cơ sở xả thải:
  + *Tên, địa chỉ, fax, lĩnh vực sản xuất/kinh doanh.....*
  + *Đối với nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất: Giới thiệu công nghệ sản xuất; nguyên vật liệu sử dụng cho sản xuất, sản phẩm.*
  + *Đối với khu công nghiệp: Giới thiệu các ngành sản xuất.*
  + *Đối với khu đô thị: Giới thiệu số dân, sơ sở hạ tầng*
  + *Đối với sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ hải sản: Giới thiệu qui mô, hình thức sản xuất/chăn nuôi/nuôi trồng*
- Nhu cầu sử dụng nước và xả nước thải của cơ sở xả nước thải
- Cơ sở pháp lý xây dựng đề án
- Tài liệu sử dụng xây dựng đề án
- Phương pháp tổ chức thực hiện đề án

Chương I. Đặc trưng nguồn thải và hệ thống công trình xử lý , xả nước thải

1. Đặc trưng nguồn nước thải
- Các loại nước thải có trong nguồn thải.
- Thông số và nồng độ chất ô nhiễm có trong nước thải trước khi xử lý.
- Thông số và nồng độ chất ô nhiễm có trong nước thải sau khi xử lý theo TCVN hiện hành.
- Đánh giá chung về chất lượng nước thải theo TCVN hiện hành

2. Hệ thống xử lý nước thải
- Mô tả các hệ thống thu gom, xử lý nước thải trong cơ sở xả thải.
- Mô tả chi tiết quy trình công nghệ xử lý nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận: *Qui mô, quy trình và biện pháp công nghệ xử lý nước thải,...*
- Đối với các cơ sở sản xuất mà nguồn nước xả thải có chứa các thành phần độc hại, khó xử lý thì quy trình công nghệ xử lý nước thải phải được cơ quan có chuyên môn thẩm định và chấp thuận.

3. Mô tả công trình xả nước thải
- Mô tả hệ thống công trình xả nước thải *(các thông số kỹ thuật, thông số thiết kế của kênh xả, cửa xả nước thải ....)*
- Phương thức xả nước thải: *bơm, tự chảy, xả ngầm, xả mặt, xả ven bờ, xả giữa hồ, sông....*
- Chế độ xả nước thải: *chu kỳ xả và thời gian xả nước thải.*
- Lưu lượng nước xả thải: lưu lượng xả bình quân và lưu lượng xả lớn nhất

Chương II. Đặc trưng nguồn nước tiếp nhận nước thải

1. Mô tả nguồn tiếp nhận nước thải

* Tên, vị trí nguồn tiếp nhận nước thải

* Đặc điểm tự nhiên

- Đặc điểm địa lý, địa hình, khí tượng thuỷ văn của khu vực xả nước thải
- Chế độ thuỷ văn nguồn tiếp nhận nước thải

* Đặc điểm kinh tế, xã hội

- Dân số, hạ tầng cơ sở, hoạt động dân sinh, kinh tế, xã hội trong khu vực xả thải
- Quy hoạch phát triển các ngành kinh tế trong khu vực xả nước thải vào nguồn tiếp nhận

* Mô tả các nguồn thải lân cận cùng xả nước thải vào nguồn tiếp nhận nước thải *(bán kính khoảng 1km)*:

- Thống kê số nguồn thải
- Mô tả sơ bộ từng nguồn thải: Đặc trưng của nguồn thải (nguồn thải từ hoạt động sản xuất gì? Các thông số ô nhiễm đặc trưng....), lưu lượng nước xả thải ước tính, khoảng cách tương đối đến vị trí xin phép xả nước thải (nêu rõ phía trên hay dưới vị trí xin phép xả nước thải đối với nguồn tiếp nhận nước thải là sông).

2. Chất lượng nguồn nước tiếp nhận

Phân tích tài liệu, số liệu liên quan đến chất lượng nguồn nước tiếp nhận để đánh giá chất lượng nguồn nước tiếp nhận theo TCVN hiện hành với các mục đích sử dụng khác nhau *(theo không gian và thời gian)*.

Chương III: Đánh giá tác động của việc xả nước thải vào nguồn nước

1. Tác động đến mục tiêu chất lượng nước của nguồn nước

2. Tác động đến môi trường và hệ sinh thái thuỷ sinh

3. Tác động đến chế độ thuỷ văn dòng chảy

4. Đánh giá các tác động tổng hợp

Chương IV. Đề xuất biện pháp giảm thiểu và khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận do xả nước thải

1. Kế hoạch giảm thiểu ô nhiễm và khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận nước thải

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước thải.
- Dự trù kinh phí và thời hạn thực hiện kế hoạch giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước thải.

2. Chương trình quan trắc và kiểm soát nước thải và nguồn tiếp nhận

- Quan trắc quy trình vận hành xử lý nước thải
- Quan trắc chất lượng nước trước và sau khi xử lý
- Quan trắc chất lượng nguồn nước tiếp nhận tại vị trí xả thải.

Kết luận và kiến nghị

Các phụ lục kèm theo

1- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin cấp phép (thời gian lấy mẫu phân tích không quá 15 ngày trước thời điểm nộp hồ sơ) - Các thông số bắt buộc phải phân tích là các thông số theo TCVN hiện hành về chất lượng nước (áp dụng phù hợp với mục đích sử dụng của nguồn nước tiếp nhận như nguồn nước sử dụng vào mục đích cấp cho sinh hoạt, thể thao và giải trí dưới nước, thuỷ-lợi hay bảo vệ đời sống thuỷ sinh)

2- Sơ đồ vị trí lấy mẫu và báo cáo mô tả thời điểm lấy mẫu nguồn nước tiếp nhận ngoài hiện trường: Thời tiết, hiện trạng các nguồn thải có liên quan đến vị trí lấy mẫu

3- Quy định vùng bảo hộ vệ sinh (nếu có) do cơ quan có thẩm quyền quy định tại nơi dự kiến xả nước thải;

4- Sơ đồ toàn bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải trong cơ sở xả thải

5- Bản đồ vị trí công trình xả nước thải vào nguồn nước tỷ lệ 1/10.000;

6- Bản thiết kế hệ thống xử lý nước thải

7- Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với trường hợp phải đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật

8- Văn bản pháp qui liên quan tới xả nước thải vào nguồn tiếp nhận: Bản sao có công chứng giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất tại nơi đặt công trình xả nước thải. Trường hợp đất nơi đặt công trình xả nước thải không thuộc quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thoả thuận cho sử dụng đất giữa tổ chức, cá nhân xả nước thải với tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xác nhận.

HƯỚNG DẪN LẬP ĐỀ ÁN
XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

(Đối với trường hợp đang xả nước thải vào nguồn nước nhưng chưa có công trình xử lý nước thải và giấy phép xả nước thải vào nguồn nước)

Mở đầu

- Giới thiệu sơ lược về cơ sở xả thải:
  + *Tên, địa chỉ, fax, lĩnh vực sản xuất/kinh doanh.....*
  + *Đối với nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất: Giới thiệu công nghệ sản xuất; nguyên vật liệu sử dụng cho sản xuất, sản phẩm.*
  + *Đối với khu công nghiệp: Giới thiệu các ngành sản xuất.*
  + *Đối với khu đô thị: Giới thiệu số dân, sơ sở hạ tầng*
  + *Đối với sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ hải sản: Giới thiệu qui mô, hình thức sản xuất/chăn nuôi/nuôi trồng*
- Nhu cầu sử dụng nước và xả nước thải của cơ sở xả nước thải
- Nguyên nhân chưa xây dựng hệ thống xử lý nước thải
- Kế hoạch xây dựng hệ thống xử lý nước thải và công nghệ xử lý nước thải dự kiến
- Cơ sở pháp lý xây dựng báo cáo
- Tài liệu sử dụng xây dựng báo cáo
- Phương pháp tổ chức thực hiện báo cáo

Chương I. Đặc trưng nguồn thải và hệ thống công trình xử lý, xả nước thải

1. Đặc trưng nguồn nước thải

- Các loại nước thải có trong nguồn thải.
- Thông số và nồng độ chất ô nhiễm có trong nước thải
- Đánh giá chất lượng nước thải theo TCVN hiện hành.

2. Mô tả công trình xả nước thải

- Mô tả hệ thống công trình xả nước thải *(các thông số kỹ thuật, thông số thiết kế của kênh xả, cửa xả nước thải....)*
- Phương thức xả nước thải: *bơm, tự chảy, xả ngầm, xả mặt, xả ven bờ, xả giữa hồ, sông....*
- Chế độ xả nước thải: *chu kỳ xả và thời gian xả nước thải.*
- Lưu lượng nước xả thải: *lưu lượng xả bình quân và lưu lượng xả lớn nhất.*

Chương II. Đặc trưng nguồn nước tiếp nhận nước thải

1. Mô tả nguồn tiếp nhận nước thải

* Tên nguồn, vị trí tiếp nhận nước thải

* Đặc điểm tự nhiên

- Đặc điểm địa lý, địa hình, khí tượng thuỷ văn của khu vực xả nước thải
- Chế độ thuỷ văn nguồn nước tiếp nhận nước thải

* Đặc điểm kinh tế, xã hội

- Dân số, hạ tầng cơ sở, hoạt động dân sinh, kinh tế, xã hội trong khu vực xả thải
- Quy hoạch phát triển các ngành kinh tế trong khu vực xả nước thải vào nguồn tiếp nhận

* Mô tả các nguồn thải lân cận cùng xả nước thải vào nguồn tiếp nhận nước thải *(bán kính khoảng 1km)*:

- Thống kê số nguồn thải
- Mô tả sơ bộ từng nguồn thải: Đặc trưng của nguồn thải *(nguồn thải từ hoạt động sản xuất gì? Các thông số ô nhiễm đặc trưng....)*, lưu lượng nước xả thải ước tính, khoảng cách tương đối đến vị trí xin phép xả nước thải *(nêu rõ phía trên hay dưới vị trí xin phép xả nước thải đối với nguồn tiếp nhận nước thải là sông)*.

2. Chất lượng nguồn nước tiếp nhận

Phân tích tài liệu, số liệu liên quan đến chất lượng nguồn nước tiếp nhận để đánh giá chất lượng nguồn nước tiếp nhận theo TCVN hiện hành với các mục đích sử dụng khác nhau *(theo không gian và thời gian)*.

3. Đánh giá tác động của hiện trạng xả nước thải đến nguồn nước tiếp nhận

- Tác động chất lượng nước của nguồn nước
- Tác động đến môi trường và hệ sinh thái thuỷ sinh
- Tác động đến chế độ thuỷ văn dòng chảy

Chương III: Hệ thống công trình xử lý, xả nước thải dự kiến và tác động của việc xả nước thải vào nguồn nước

1. Hệ thống xử lý nước thải

- Mô tả các hệ thống thu gom, xử lý nước thải trong cơ sở xả thải.
- Mô tả chi tiết quy trình công nghệ xử lý nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận: *Qui mô, quy trình và biện pháp công nghệ xử lý nước thải,...*

2. Mô tả công trình xả nước thải

- Mô tả hệ thống công trình xả nước thải *(các thông số kỹ thuật, thông số thiết kế của kênh xả, cửa xả nước thải....)*
- Phương thức xả nước thải: *bơm, tự chảy, xả ngầm, xả mặt, xả ven bờ, xả giữa hồ, sông....*
- Chế độ xả nước thải: *chu kỳ xả và thời gian xả nước thải.*
- Lưu lượng nước xả thải: *lưu lượng xả bình quân và lưu lượng xả lớn nhất.*

3. Tác động của việc xả nước thải vào nguồn nước

- Tác động đến mục tiêu chất lượng nước của nguồn nước
- Tác động đến môi trường và hệ sinh thái thuỷ sinh
- Tác động đến chế độ thuỷ văn dòng chảy
- Đánh giá các tác động tổng hợp

Chương IV. Đề xuất biện pháp giảm thiểu và khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận do xả nước thải

1. Kế hoạch giảm thiểu ô nhiễm và khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận nước thải

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước thải.
- Dự trù kinh phí và thời hạn thực hiện kế hoạch giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước thải.

2. Chương trình quan trắc và kiểm soát nước thải và nguồn tiếp nhận

- Quan trắc quy trình vận hành xử lý nước thải
- Quan trắc chất lượng nước trước và sau khi xử lý
- Quan trắc chất lượng nguồn nước tiếp nhận tại vị trí xả thải.

Kết luận và kiến nghị

Các phụ lục kèm theo

1- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin cấp phép (thời gian lấy mẫu phân tích không quá 15 ngày trước thời điểm nộp hồ sơ) - Các thông số bắt buộc phải phân tích là các thông số theo TCVN hiện hành về chất lượng nước (áp dụng phù hợp với mục đích sử dụng của nguồn nước tiếp nhận như nguồn nước sử dụng vào mục đích cấp cho sinh hoạt, thể thao và giải trí dưới nước, thuỷ lợi hay bảo vệ đời sống thuỷ sinh)

2- Kết quả phân tích chất lượng nước thải theo qui định của nhà nước (các thông số bắt buộc phân tích là các thông số theo tiêu chuẩn chất lượng nước thải của Việt Nam hiện hành).

3- Sơ đồ vị trí lấy mẫu và báo cáo mô tả thời điểm lấy mẫu nguồn nước tiếp nhận ngoài hiện trường: Thời tiết, hiện trạng các nguồn thải có liên quan đến vị trí lấy mẫu

4- Quy định vùng bảo hộ vệ sinh (nếu có) do cơ quan có thẩm quyền quy định tại nơi dự kiến xả nước thải;

5- Sơ đồ toàn bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải trong cơ sở xả thải

6- Bản đồ vị trí công trình xả nước thải vào nguồn nước tỷ lệ 1/10.000;

7- Bản thiết kế hệ thống xử lý nước thải dự kiến.

8- Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với trường hợp phải đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật

9- Văn bản pháp qui liên quan tới xả nước thải vào nguồn tiếp nhận: Bản sao có công chứng giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất tại nơi đặt công trình xả nước thải. Trường hợp đất nơi đặt công trình xả nước thải không thuộc quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thoả thuận cho sử dụng đất giữa tổ chức, cá nhân xả nước thải với tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xác nhận.

Mẫu số: B8.2

(Tên tổ chức đề nghị cấp phép)

BÁO CÁO
XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
.....(1)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP	ĐƠN VỊ LẬP BÁO CÁO
ký, (đóng dấu nếu có)	*ký, đóng dấu*

Hà nội, tháng.../năm.....

(1) Ghi tên cơ sở xả nước thải

HƯỚNG DẪN LẬP BÁO CÁO
XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
(Đối với trường hợp đang xả nước thải vào nguồn nước đã có công trình xử lý nước thải nhưng chưa có giấy phép)

Mở đầu

- Giới thiệu sơ lược về cơ sở xả thải:
  + *Tên, địa chỉ, fax, lĩnh vực sản xuất/kinh doanh.....*
  + *Đối với nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất: Giới thiệu công nghệ sản xuất; nguyên vật liệu sử dụng cho sản xuất, sản phẩm.*
  + *Đối với khu công nghiệp: Giới thiệu các ngành sản xuất.*
  + *Đối với khu đô thị: Giới thiệu số dân, sơ sở hạ tầng*
  + *Đối với sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ hải sản: Giới thiệu qui mô, hình thức sản xuất/chăn nuôi/nuôi trồng*
- Nhu cầu sử dụng nước và xả nước thải của cơ sở xả nước thải
- Đánh giá hiện trạng hệ thống công trình xả nước thải: *hiệu quả xử lý nước thải, khả năng đáp ứng nhu cầu xử lý và xả nước thải, dự kiến nâng cấp cải tạo...*
- Cơ sở pháp lý xây dựng báo cáo
- Tài liệu sử dụng xây dựng báo cáo
- Phương pháp tổ chức thực hiện báo cáo

Chương I. Đặc trưng nguồn thải và hệ thống công trình xử lý, xả nước thải

1. Đặc trưng nguồn nước thải
- Các loại nước thải có trong nguồn thải.
- Thông số và nồng độ chất ô nhiễm có trong nước thải trước khi xử lý.
- Thông số và nồng độ chất ô nhiễm có trong nước thải sau khi xử lý theo TCVN hiện hành.
- Đánh giá chung về chất lượng nước thải theo TCVN hiện hành

2. Hệ thống xử lý nước thải
- Mô tả các hệ thống thu gom, xử lý nước thải trong cơ sở xả thải.
- Mô tả chi tiết quy trình công nghệ xử lý nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận: *Qui mô, quy trình và biện pháp công nghệ xử lý nước thải,...*
- Đối với các cơ sở sản xuất mà nguồn nước xả thải có chứa các thành phần độc hại, khó xử lý thì quy trình công nghệ xử lý nước thải phải được cơ quan có chuyên môn thẩm định và chấp thuận

3. Mô tả công trình xả nước thải
- Mô tả hệ thống công trình xả nước thải *(các thông số kỹ thuật, thông số thiết kế của kênh xả, cửa xả nước thải....)*
- Phương thức xả nước thải: *bơm, tự chảy, xả ngầm, xả mặt, xả ven bờ, xả giữa hồ, sông....*
- Chế độ xả nước thải: *chu kỳ xả và thời gian xả nước thải.*
- Lưu lượng nước xả thải: lưu lượng xả bình quân và lưu lượng xả lớn nhất.

Chương II. Đặc trưng nguồn nước tiếp nhận nước thải

1. Mô tả nguồn tiếp nhận nước thải

* Tên, vị trí nguồn tiếp nhận nước thải

* Đặc điểm tự nhiên

- Đặc điểm địa lý, địa hình, khí tượng thuỷ văn của khu vực xả nước thải
- Chế độ thuỷ văn nguồn tiếp nhận nước thải

* Đặc điểm kinh tế, xã hội

- Dân số, hạ tầng cơ sở, hoạt động dân sinh, kinh tế, xã hội trong khu vực xả thải
- Quy hoạch phát triển các ngành kinh tế trong khu vực xả nước thải vào nguồn tiếp nhận

* Mô tả các nguồn thải lân cận cùng xả nước thải vào nguồn tiếp nhận nước thải *(bán kính khoảng 1km)*:

- Thống kê số nguồn thải
- Mô tả sơ bộ từng nguồn thải: Đặc trưng của nguồn thải *(nguồn thải từ hoạt động sản xuất gì? Các thông số ô nhiễm đặc trưng....)*, lưu lượng nước xả thải ước tính, khoảng cách tương đối đến vị trí xin phép xả nước thải *(nêu rõ phía trên hay dưới vị trí xin phép xả nước thải đối với nguồn tiếp nhận nước thải là sông)*.

2. Chất lượng nguồn nước tiếp nhận

Phân tích tài liệu, số liệu liên quan đến chất lượng nguồn nước tiếp nhận để đánh giá chất lượng nguồn nước tiếp nhận theo TCVN hiện hành với các mục đích sử dụng khác nhau *(theo không gian và thời gian)*.

Chương III: Đánh giá tác động của việc xả nước thải vào nguồn nước

1. Tác động đến mục tiêu chất lượng nước của nguồn nước

2. Tác động đến môi trường và hệ sinh thái thuỷ sinh

3. Tác động đến chế độ thuỷ văn dòng chảy

4. Đánh giá các tác động tổng hợp

Chương IV: Đề xuất biện pháp giảm thiểu và khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận do xả nước thải

1. Kế hoạch giảm thiểu ô nhiễm và khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận nước thải

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước thải.
- Dự trù kinh phí và thời hạn thực hiện kế hoạch giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước thải.

2. Chương trình quan trắc và kiểm soát nước thải và nguồn tiếp nhận

- Quan trắc quy trình vận hành xử lý nước thải.
- Quan trắc chất lượng nước trước và sau khi xử lý.
- Quan trắc chất lượng nguồn nước tiếp nhận tại vị trí xả thải.

Kết luận và kiến nghị

Các phụ lục kèm theo

1- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin cấp phép (thời gian lấy mẫu phân tích không quá 15 ngày trước thời điểm nộp hồ sơ) - Các thông số bắt buộc phải phân tích là các thông số theo TCVN hiện hành về chất lượng nước (áp dụng phù hợp với mục đích sử dụng của nguồn nước tiếp nhận như nguồn nước sử dụng vào mục đích cấp cho sinh hoạt, thể thao và giải trí dưới nước, thuỷ lợi hay bảo vệ đời sống thuỷ sinh)

2- Kết quả phân tích chất lượng nước thải sau quá trình xử lý theo qui định của nhà nước (các thông số bắt buộc phân tích là các thông số theo tiêu chuẩn chất lượng nước thải của Việt Nam hiện hành).

3- Sơ đồ vị trí lấy mẫu và báo cáo mô tả thời điểm lấy mẫu nguồn nước tiếp nhận ngoài hiện trường: Thời tiết, hiện trạng các nguồn thải có liên quan đến vị trí lấy mẫu

4- Quy định vùng bảo hộ vệ sinh (nếu có) do cơ quan có thẩm quyền quy định tại nơi dự kiến xả nước thải;

5- Sơ đồ toàn bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải trong cơ sở xả thải

6- Sơ đồ vị trí công trình xả nước thải vào nguồn nước tỷ lệ 1/10.000;

7- Bản thiết kế hệ thống xử lý nước thải

8- Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với trường hợp phải đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật

9- Văn bản pháp qui liên quan tới xả nước thải vào nguồn tiếp nhận: Bản sao có công chứng giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất tại nơi đặt công trình xả nước thải. Trường hợp đất nơi đặt công trình xả nước thải không thuộc quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thoả thuận cho sử dụng đất giữa tổ chức, cá nhân xả nước thải với tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xác nhận.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM *Mẫu số A.5*
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG GIẤY PHÉP THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi: Sở Tài nguyên môi trường Hà nội

1. Chủ giấy phép:

1.1. Tên chủ giấy phép:.....

1.2 Địa chỉ:.....

1.3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

1.4. Giấy phép thăm dò nước dưới đất số....ngày.... tháng....năm.....; cơ quan cấp...

2. Lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép:

.....

3. Thời gian đề nghị gia hạn/nội dung đề nghị điều chỉnh giấy phép:

- Thời hạn đề nghị gia hạn:.....tháng/hoặc năm (*nếu đề nghị gia hạn*)
- Nội dung đề nghị điều chỉnh:.....(*nếu đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép)*

4. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có:

.....
.....
.....
.....
.....
..... *(1)*

(*Chủ giấy phép)* đã sao gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố.....

Đề nghị Sở Tài nguyên Môi trường Hà nội xem xét, gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất cho (*tên chủ giấy phép*).

(*Chủ giấy phép*) cam kết chấp hành đúng nội dung quy định trong giấy phép đã được cấp, nội dung được gia hạn/điều chỉnh và các quy định khác của pháp luật có liên quan./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Chủ giấy phép
Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

Ghi chú: Đối với các tổ chức, cá nhân không có tư cách pháp nhân và con dấu có thể được thay thế bằng yêu cầu nộp bản sao CMND/Hộ khẩu/Hộ chiếu người đứng đầu tổ chức đề nghị cấp phép

Mẫu số: B9.1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH
TRONG GIẤY PHÉP THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT

1. Mở đầu:

- Tên chủ giấy phép: .....

- Giấy phép số:.....,

- Ngày cấp....., tên cơ quan cấp.....

- Nêu sơ lược nội dung giấy phép:

+ Vị trí thăm dò.....

+ Đối tượng thăm dò (tầng chứa nước thăm dò).....

+ Mục đích, quy mô thăm dò (xây dựng công trình cấp nước cho....., lưu lượng khai thác....m^3/ngày)

+ Nội dung, khối lượng các hạng mục thăm dò chủ yếu theo đề án được duyệt (theo giấy phép) gồm:.....

+ Thời hạn của giấy phép :.....

+ Đơn vị thi công thăm dò:.....

2. Tình hình thực hiện giấy phép :

- Ngày bắt đầu thi công thăm dò: .....

- Khối lượng, hạng mục công tác thăm dò đã thực hiện:.....

- Khối lượng, hạng mục chưa thực hiện: .....

- Tình hình chấp hành quy định trong giấy phép: .....

- *(trình bầy chi tiết các nội dung liên quan đến lý do đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép)*.....

3. Kiến nghị:

Với những lý do nêu trên (chủ giấy phép) đề nghị:

- Thời gian gia hạn giấy phép .....(nếu đề nghị gia hạn)

- Nội dung, khối lượng điều chỉnh giấy phép .....(nếu đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép).

.....ngày....tháng....năm.....

Chủ giấy phép

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

Mẫu số: B9.2

ĐỀ ÁN THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT

(đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất)

1. Mở đầu:

Nêu sơ lược các nội dung sau:

- Sơ đồ bố trí công trình thăm dò, khối lượng công tác thăm dò theo đề án đã được phê duyệt (theo giấy phép đã được cấp): .....

- Khối lượng, hạng mục công tác đã thực hiện: .....

- Đặc điểm địa chất thuỷ văn thực tế tại khu vực thăm dò....., so sánh với cấu trúc, đặc điểm địa chất thuỷ văn dự kiến trong đề án được phê duyệt (*có gì thay đổi khác biệt so với dự kiến*); các điều kiện thi công khác...

- Lý do đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép và nội dung, khối lượng công tác dự kiến điều chỉnh: .....

- Cơ sở pháp lý cho việc lập đề án điều chỉnh (nếu có): .....

- Dự kiến tầng chứa nước thăm dò, khai thác; vị trí dự kiến bố trí công trình thăm dò, diện tích thăm dò... (*nêu lý do lựa chọn*).

2. Dự kiến sơ đồ bố trí công trình khai thác – dự báo mực nước hạ thấp:

(Bản vẽ sơ đồ bố trí công trình sau khi điều chỉnh và tính toán dự báo mực nước theo sơ đồ mới)

3. Nội dung, khối lượng công tác thăm dò:

- .....

- .....

(*Căn cứ sơ đồ bố trí công trình sau khi điều chỉnh và nội dung, khối lượng hạng mục thăm dò đã thực hiện theo giấy phép cũ, xác định nội dung, khối lượng và phương pháp tiến hành từng hạng mục thăm dò cho đề án điều chỉnh*).

Bảng tổng hợp khối lượng các hạng mục công tác thăm dò của đề án điều chỉnh:

Các chương mục khác của đề án điều chỉnh thiết kế tương tự như đề án đã được phê duyệt.

.....ngày....tháng....năm.....

Chủ giấy phép

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM *Mẫu số A.6*
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi: Sở Tài nguyên Môi trường Hà nội

1. Chủ giấy phép:

1.1. Tên chủ giấy phép:.....

1.2 Địa chỉ:.....

1.3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

1.4. Giấy phép khai thác nước dưới đất số....ngày.... tháng....năm.....; cơ quan cấp...

2. Lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép:

.....

3. Thời gian đề nghị gia hạn/nội dung đề nghị điều chỉnh giấy phép:

- Thời hạn đề nghị gia hạn:.....tháng/hoặc năm (*nếu đề nghị gia hạn*)
- Nội dung đề nghị điều chỉnh:.....(*nếu đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép)*

4. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
..... *(1)*

(*Chủ giấy phép)* gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên Môi trường Hà nội.....

Đề nghị Sở Tài nguyên Môi trường Hà nội xem xét, gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất cho (*tên chủ giấy phép*).

(*Chủ giấy phép*) cam kết chấp hành đúng nội dung quy định trong giấy phép đã được cấp, nội dung được gia hạn/điều chỉnh và các quy định khác của pháp luật có liên quan./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Chủ giấy phép
Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

Ghi chú: Đối với các tổ chức, cá nhân không có tư cách pháp nhân và con dấu có thể được thay thế bằng yêu cầu nộp bản sao CMND/Hộ khẩu/Hộ chiếu người đứng đầu tổ chức đề nghị cấp phép

Mẫu số: B9.3

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

(đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép khai thác nước dưới đất)

1. Mở đầu:

- Tên chủ giấy phép: .....

- Giấy phép số:....., ngày cấp....., cơ quan cấp.....

- Nêu sơ lược về công trình khai thác nước: vị trí công trình, tầng chứa nước khai thác, số giếng (hoặc hành lang/mạch lộ/hang động khai thác), tổng lượng nước khai thác, mục đích sử dụng....

Bảng tổng hợp các thông số của công trình khai thác nước như sau:

STT	Số hiệu giếng	Toạ độ		Lu lợng khai thác trung bình (m3/ngày)	Mực n-ớc tĩnh (m)	Mực nớc động lớn nhất
		X	Y			

2. Hiện trạng khai thác:

- Tổng lưu lượng khai thác theo giấy phép là.....m^3/ngày, thực tế đang khai thác.....m^3/ngày; chế độ khai thác.....giờ/ngày-mùa khô, ...giờ/ngày-mùa mưa...); hiện tại các giếng đạt .....% lưu lượng thiết kế... (*kèm theo bảng thống kê lưu lượng của từng giếng*).

- Trong quá trình khai thác đã thay thế .....giếng, vị trí và tên giếng thay thế (nếu có).

3. Diễn biến mực nước:

Mực nước trung bình.... mét (mùa mưa), ...mét (mùa khô) và hiện tại là.....mét (*kèm theo bảng số liệu quan trắc mực nước tĩnh, mực nước động và lưu lượng tính tới thời điểm xin gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép*).

4. Diễn biến chất lượng nước:

Mô tả diễn biến chất lượng nước trong quá trình khai thác.... các chỉ tiêu biến đổi (nếu có)

(*kèm theo biểu phân tích chất lượng nước).*

5. Diễn biến môi trường:

- Mô tả hiện trạng môi trường xung quanh khu vực công trình khai thác....ảnh hưởng của việc khai thác nước đến môi trường như sụt lún đất, gia tăng nhiễm mặn, nhiễm bẩn, ảnh hưởng đến mực nước của hồ, của các giếng xung quanh (*mô tả rõ vị trí, quy mô, mức độ ảnh hưởng và hướng giải quyết - nếu có).*

6. **Tình hình thực hiện các trách nhiệm quy định trong giấy phép:**

7. Nhu cầu sử dụng nước hiện tại và trong các năm tới:

(Nêu rõ nhu cầu nước hiện tại và trong thời gian tới; kế hoạch khai thác, sử dụng nước...)

8. **Kiến nghị**: Thời gian gia hạn/nội dung điều chỉnh....

.....ngày....tháng....năm.....

Chủ giấy phép

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

Mẫu số: B9.4

ĐỀ ÁN KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

(đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất)

1. Mở đầu:

- Hiện trạng công trình khai thác nước .....

- Tổng lưu lượng khai thác theo giấy phép là.....m^3/ngày, thực tế đang khai thác.....m^3/ngày;

- Chế độ khai thác.....giờ/ngày;

- Lưu lượng giếng theo thiết kế.....

- Công suất toàn bộ công trình theo thiết kế là....

- Diễn biến lưu lượng các giếng ...; lưu lượng thực tế từng giếng và của công trình tại thời điểm xin điều chỉnh.....

- Diễn biến mực nước.....

- Hiện trạng, diễn biến chất lượng nước, môi trường.....

2. Nhu cầu sử dụng nước:

- Nhu cầu nước hiện tại và trong thời gian tới....

- Kế hoạch khai thác, sử dụng nước...

3. Kiến nghị nội dung điều chỉnh

- Lý do đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép.....

- Nội dung đề nghị điều chỉnh: (bổ sung giếng, tăng/giảm lưu lượng các giếng, dịch chuyển vị trí giếng, thay thế/cải tạo giếng để tăng công suất khai thác...).

- Trong trường hợp điều chỉnh tăng lưu lượng khai thác thì Đề án xin điều chỉnh được lập như mẫu B3.

4. Thiết kế bổ sung giếng khai thác (hoặc điều chỉnh thiết kế giếng)

(nội dung thiết kế giếng như hướng dẫn tại mẫu số 06/NDĐ)

.....ngày....tháng....năm.....

Chủ giấy phép

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM *Mẫu số A7*
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG GIẤY PHÉP KHAI THÁC SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

Kính gửi: Sở Tài nguyên Môi trường Hà nội

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép

Tên chủ giấy phép

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số..... ngày..... tháng.....năm.....do (*tên cơ quan cấp phép*) cấp với thời hạn.....năm

2. Lý do đề nghị gia hạn /điều chỉnh nội dung giấy phép:

.....

.....

.....

3. Thời hạn đề nghị gia hạn / Nội dung đề nghị điều chỉnh:

- Thời hạn đề nghị gia hạn:.....(*trường hợp đề nghị gia hạn*)
- Nội dung đề nghị điều chỉnh: ..... (*trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung*)

.....

4. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

..... *(1)*

(*Chủ giấy phép*) gửi một (01) bộ hồ sơ tới sở Tài nguyên Môi trường Hà nội .....

....

Đề nghị Sở Tài nguyên Môi trường Hà nội xem xét, gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác sử dụng nước mặt đã cấp cho (*tên chủ giấy phép*).

(Chủ giấy phép) cam kết chấp hành đúng nội dung quy định trong giấy phép đã được cấp, nội dung được gia hạn/điều chỉnh và quy định của pháp luật có liên quan./.

.... ngày.....tháng..... năm.....

Chủ giấy phép

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu, nếu có)

Ghi chú: Đối với các tổ chức, cá nhân không có tư cách pháp nhân và con dấu có thể được thay thế bằng yêu cầu nộp bản sao CMND/Hộ khẩu/Hộ chiếu người đứng đầu tổ chức đề nghị cấp phép

Mẫu số: B10.1

HƯỚNG DẪN LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

(Đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép)

1. Mở đầu:

- Tên chủ giấy phép:

- Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số.....do (*tên cơ quan cấp phép*) cấp ngày:..tháng...năm... với thời hạn...

- Mục đích khai thác, sử dụng nước

- Sơ lược về công trình khai thác, sử dụng nước: nêu các thông số cơ bản của công trình

2. Tình hình nguồn nước:

Diễn biến mực nước, lưu lượng nước, chất lượng nước trong quá trình khai thác, sử dụng

Diễn biến môi trường trong khu vực khai thác, sử dụng

3. Lượng nước khai thác, sử dụng:

- Lượng nước khai thác, sử dụng quy định trong giấy phép

- Lượng nước khai thác, sử dụng của từng năm kể từ ngày được cấp phép đến thời điểm xin gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo các mục đích sử dụng khác nhau

4. Phương thức khai thác, sử dụng:

- Nêu phương thức khai thác sử dụng nước quy định trong giấy phép

- Những thay đổi, điều chỉnh của công trình trong quá trình khai thác, sử dụng

- Chế độ khai thác, sử dụng: mô tả quy trình vận hành của công trình, tình hình thực hiện quy trình vận hành và chế độ khai thác sử dụng nước tại công trình trong thời gian đã được cấp phép

5. Tình hình thực hiện các trách nhiệm quy định trong giấy phép

6. Những vấn đề nảy sinh trong quá trình khai thác, sử dụng

....., ngày... tháng... năm.....

Chủ giấy phép

Ký, ghi rõ họ tên tên (đóng dấu, nếu có)

Mẫu số B.10.2

HƯỚNG DẪN LẬP ĐỀ ÁN KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

(Đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép)

Mở đầu

- Sự cần thiết, căn cứ pháp lý của việc đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép
- Nguồn gốc các thông tin, tài liệu sử dụng để xây dựng đề án

I. Tình hình nguồn nước

- Tình hình quan trắc mực nước, lưu lượng nước, chất lượng nước tại khu vực khai thác, sử dụng
- Diễn biến mực nước, lưu lượng nước tại vị trí khai thác.
- Diễn biến chất lượng nước của nguồn nước tại vị trí khai thác (kết quả phân tích chất lượng các năm qua và tại thời điểm đề nghị cấp giấy phép)

II. Thay đổi về lượng nước khai thác, sử dụng .

1. Phương pháp tính toán nhu cầu nước cần điều chỉnh cho các mục đích sử dụng khác nhau: tưới, phát điện, cấp nước công nghiệp, cấp nước sinh hoạt, ...
2. Kết quả tính toán nhu cầu nước cần điều chỉnh cho các mục đích sử dụng khác nhau: tưới, phát điện, cấp nước công nghiệp, cấp nước sinh hoạt, ...

III Thay đổi về phương thức khai thác, sử dụng nước

1. Thay đổi về công trình khai thác, sử dụng nước
- Vị trí công trình
- Các thông số về nhiệm vụ của công trình (diện tích tưới, số dân được cấp nước, vùng được cấp nước, công suất phát điện,...)
- Loại hình công trình khai thác: (hồ chứa, đập dâng, trạm bơm, cống và các loại hình khác).
- Cách thức khai thác, sử dụng nước bằng các hạng mục của công trình khai thác, sử dụng nước
- Các thông số cơ bản của các công trình khai thác nước (hồ chứa, trạm bơm, kênh, đập dâng, đập tràn...).

2. Thay đổi về chế độ khai thác, sử dụng
- Thay đổi về quy trình vận hành công trình khai thác, sử dụng nước
- Thay đổi về chế độ lấy nước, trữ nước, xả nước của công trình

IV. Ảnh hưởng của việc khai thác, sử dụng nước theo nội dung đề nghị điều chỉnh tới nguồn nước, môi trường và các đối tượng sử dụng nước khác.

1. Tác động tới nguồn nước

Đánh giá ảnh hưởng của việc khai thác, sử dụng nước tới số lượng, chất lượng nguồn nước và chế độ dòng chảy; lượng, chất lượng nước xả thải, vị trí tiếp nhận nước xả thải sau khi sử dụng.

2. Tác động tới việc khai thác, sử dụng nước của các đối tượng sử dụng nước khác trong lưu vực.

3. Tác động tới môi trường: Tóm tắt báo cáo đánh giá tác động môi trường của việc khai thác, sử dụng nước.

Trong trường hợp điều chỉnh tăng lưu lượng khai thác thì Đề án xin điều chỉnh được lập như mẫu B3.

PHỤ LỤC KÈM THEO ĐỀ ÁN

1. Bản sao các văn bản pháp lý có liên quan tới việc đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt: văn bản cho phép đầu tư mở rộng, nâng cấp, thay đổi công trình, văn bản cho phép thay đổi nhiệm vụ của công trình, văn bản phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, văn bản phê duyệt thiết kế kỹ thuật,...

2. Các tài liệu đã sử dụng để lập đề án: Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án mở rộng, nâng cấp, thay đổi công trình (thuyết minh chung và các thuyết minh chuyên đề có liên quan đến nguồn nước), báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo thiết kế kỹ thuật (các tập thiết kế kỹ thuật có liên quan đến việc khai thác, sử dụng nước, quy trình vận hành công trình khai thác, sử dụng nước)...

....., ngày... tháng... năm.....

Chủ giấy phép

Ký tên, (đóng dấu nếu có)

Mẫu số: A8

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

Kính gửi: Sở Tài nguyên Môi trường Hà nội

1. Tổ chức/cá nhân đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép:

1.1. Tên chủ giấy phép:.....

1.2. Địa chỉ:.....

1.3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

1.4. Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số:.....do (*tên cơ quan đã cấp giấy phép*) ..... ngày.....tháng.....năm.....

2. Lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép:

.....

.....

.....

.....

3. Thời gian đề nghị gia hạn/nội dung đề nghị điều chỉnh giấy phép:

- Thời hạn đề nghị gia hạn:.....tháng/hoặc năm (*nếu đề nghị gia hạn*)
- Nội dung đề nghị điều chỉnh:.....*(nếu đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép)*

4. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có:

.....

.....

.....

(Tên tổ chức/cá nhân đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép) gửi 01 bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên Môi trường Hà nội .....

(*Chủ giấy phép*) cam kết chấp hành đúng nội dung quy định trong giấy phép và quy định của pháp luật có liên quan./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Tên chủ giấy phép

Ký, ghi rõ họ tên, (đóng dấu nếu có)

Ghi chú: Đối với các tổ chức, cá nhân không có tư cách pháp nhân và con dấu có thể được thay thế bằng yêu cầu nộp bản sao CMND/Hộ khẩu/Hộ chiếu người đứng đầu tổ chức đề nghị cấp phép

Mẫu số: B11.1

HƯỚNG DẪN LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

(Đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép xả nước thải vào nguồn nước)

1. Thông tin chung về cơ sở xả nước thải *(Tên, địa chỉ, fax, số giấy phép xả nước thải đã được cấp.....)*

2. Tình hình xả nước thải vào nguồn nước:

- Nguồn nước tiếp nhận nước thải:

- Vị trí nơi xả nước thải:

Thôn.....xã/phường.....quận/huyện.....tỉnh/thành phố.....

Toạ độ vị trí xả thải (VN2000): X..... Y.....

- Phương thức xả nước thải: *(bao gồm cả chế độ và phương thức xả)*

- Lưu lượng nước thải:

- Thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải:

Thông số	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú

3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ của chủ giấy phép:

- Tình hình thực hiện trách nhiệm và yêu cầu của cơ quan cấp phép ghi trong nội dung giấy phép:
- Tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan:

Mẫu số: B11.2

HƯỚNG DẪN LẬP ĐỀ ÁN XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

(Đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước)

Mở đầu

- Thông tin chung về cơ sở xả nước thải: *(tên, địa chỉ, fax, lĩnh vực sản xuất/kinh doanh.....)*
- Nhu cầu sử dụng nước và xả nước thải của cơ sở xả nước thải
- Đánh giá hiện trạng hệ thống công trình xả nước thải: ***hiệu quả xử lý nước thải, khả năng đáp ứng nhu cầu xử lý và xả nước thải, dự kiến nâng cấp cải tạo...***
- Nội dung yêu cầu thay đổi trong giấy phép

Chương I. Tình hình xả nước thải và hiện trạng chất lượng nguồn nước tiếp nhận

1. Tình hình xả nước thải vào nguồn nước

- Nguồn nước tiếp nhận nước thải:
  - Vị trí nơi xả nước thải:

Thôn.....xã/phường.....quận/huyện.....tỉnh/thành phố.....

Toạ độ vị trí xả thải (VN2000): X..... Y.....

  - Phương thức xả nước thải: *bơm, tự chảy, xả ngầm, xả mặt, xả ven bờ, xả giữa hồ, sông....*
- Chế độ xả nước thải: *chu kỳ xả và thời gian xả nước thải.*
- Lưu lượng nước xả thải: *lưu lượng xả bình quân và lưu lượng xả lớn nhất.*
  - Thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải:

Thông số	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú

2. Mô tả các nguồn thải lân cận cùng xả nước thải vào nguồn tiếp nhận nước thải (bán kính khoảng 1km)

- Thống kê số nguồn thải
- Mô tả sơ bộ từng nguồn thải: Đặc trưng của nguồn thải *(nguồn thải từ hoạt động sản xuất gì? Các thông số ô nhiễm đặc trưng....)*, lưu lượng nước xả thải ước tính, khoảng cách tương đối đến vị trí xin phép xả nước thải *(nêu rõ phía trên hay dưới vị trí xin phép xả nước thải đối với nguồn tiếp nhận nước thải là sông).*

3. Đánh giá chất lượng nguồn nước tiếp nhận

Phân tích tài liệu, số liệu liên quan đến chất lượng nguồn nước tiếp nhận để đánh giá chất lượng nguồn nước tiếp nhận theo TCVN hiện hành với các mục đích sử dụng khác nhau *(theo không gian và thời gian).*

4. Đánh giá tác động của hiện trạng xả nước thải đến nguồn nước tiếp nhận

- Tác động chất lượng nước nguồn nước tiếp nhận
- Tác động đến môi trường và hệ sinh thái thuỷ sinh
- Tác động đến chế độ thuỷ văn dòng chảy

Chương II. Hệ thống công trình xử lý, xả nước thải dự kiến và tác động của việc xả nước thải vào nguồn nước *(nếu việc điều chỉnh nội dung giấy phép có thay đổi hệ thống công trình xử lý, xả nước thải)*

1. Hệ thống xử lý nước thải

- Mô tả hệ thống thu gom, xử lý nước thải trong cơ sở xả thải.
- Mô tả chi tiết công nghệ xử lý nước thải: *Qui mô, quy trình và biện pháp công nghệ xử lý nước thải,...*

2. Mô tả công trình xả nước thải

- Mô tả hệ thống công trình xả nước thải *(các thông số kỹ thuật, thông số thiết kế của kênh xả, cửa xả nước thải....)*
- Phương thức xả nước thải: *bơm, tự chảy, xả ngầm, xả mặt, xả ven bờ, xả giữa hồ, sông....*

3. Tác động của việc xả nước thải vào nguồn nước

- Tác động đến mục tiêu chất lượng nước của nguồn nước
- Tác động đến môi trường và hệ sinh thái thuỷ sinh
- Tác động đến chế độ thuỷ văn dòng chảy
- Đánh giá các tác động tổng hợp

Chương III. Đề xuất biện pháp giảm thiểu và khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận do xả nước thải

1. Kế hoạch giảm thiểu ô nhiễm và khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận nước thải

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước thải.
- Dự trù kinh phí và thời hạn thực hiện kế hoạch giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước thải.

2. Chương trình quan trắc và kiểm soát nước thải và nguồn tiếp nhận

- Quan trắc quy trình vận hành xử lý nước thải
- Quan trắc chất lượng nước trước và sau khi xử lý
- Quan trắc chất lượng nguồn nước tiếp nhận tại vị trí xả thải.

Kết luận và kiến nghị:

Trong trường hợp thay đổi lưu lượng xả thải hoặc chất lượng nước thải thì đề án được lập như mẫu B8.1.

.....

CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO

1- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin thay đổi nội dung giấy phép (thời gian lấy mẫu phân tích không quá 15 ngày trước thời điểm nộp hồ sơ) - Các thông số bắt buộc phải phân tích là các thông số theo TCVN hiện hành về chất lượng nước (áp dụng phù hợp với mục đích sử dụng của nguồn nước tiếp nhận như nguồn nước sử dụng vào mục đích cấp cho sinh hoạt, thể thao và giải trí dưới nước, thuỷ lợi hay bảo vệ đời sống thuỷ sinh)

2- Kết quả phân tích chất lượng nước thải sau quá trình xử lý theo qui định của nhà nước (các thông số bắt buộc phân tích là các thông số theo tiêu chuẩn chất lượng nước thải của Việt Nam hiện hành).

3- Sơ đồ vị trí lấy mẫu và báo cáo mô tả thời điểm lấy mẫu nguồn nước tiếp nhận ngoài hiện trường: Thời tiết, hiện trạng các nguồn thải có liên quan đến vị trí lấy mẫu

4- Bản đồ vị trí công trình xả nước thải vào nguồn nước tỷ lệ 1/10.000 (nếu nội dung điều chỉnh là thay đổi vị trí xả nước thải)

5- Bản thiết kế hệ thống xử lý nước thải dự kiến (nếu việc điều chỉnh nội dung giấy phép có thay đổi hệ thống công trình xử lý, xả nước thải)

6- Báo cáo việc thực hiện các qui định trong giấy phép xả nước thải

PHỤ LỤC G

MẪU BẢN ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT TẠI HỘ GIA ĐÌNH
(những trường hợp không phải xin cấp phép)

UBND quận, huyện	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
UBND xã (phường, thị trấn) ...	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà nội, ngày .....tháng..... năm.....

BẢN ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi: - UBND xã **(phường, thị trấn) :** .....

Tên cá nhân (hộ gia đình) đăng ký khai thác: .....
.....
Địa chỉ: .....
.....
Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Đề nghị đăng ký công trình khai thác nước dưới đất với những nội dung sau:

1. Mục đích khai thác nước (nêu rõ mục đích khai thác nước phục vụ cho sinh hoạt/sản xuất nông nghiệp/công nghiệp/phát điện/... và lượng nước cần thiết phục vụ cho nhu cầu trên): .....
2. Số giếng khai thác nước : (bao nhiêu giếng)
3. Lưu lượng nước dự kiến khai thác : (bao nhiêu m^3/giờ, m^3/ngày)
4. Kết cấu giếng khai thác (có bản vẽ kèm theo) : Ống nhựa PVC (ống thép) với : ..... m ống đường kính ..... mm ; ..... m ống đường kính ... mm.
5. Chiều sâu giếng khoan:
6. Địa điểm bố trí công trình khai thác nước:
(nêu rõ địa chỉ như : số nhà, ngõ, thôn, xóm ; xã (phường).....
7. Đơn vị dự kiến thi công : .....
(Đơn vị, cá nhân thi công phải có giấy phép hành nghề theo quy định hiện hành)

Vậy đề nghị UBND xã (phường, thị trấn) đăng ký công trình khai thác nước dưới đất tại địa điểm nói trên cho (tên cá nhân, hộ gia đình xin phép), chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về khai thác, sử dụng, bảo vệ nguồn nước tại địa điểm khai thác theo yêu cầu của cơ quan quản lý tài nguyên nước, thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan.

Xác nhận của tổ trưởng dân phố	**Tên cá nhân, hộ gia đình đăng ký**
(Trưởng thôn)	*(Ký tên)*

Ghi chú : Kèm theo đơn này là bản vẽ thiết kế giếng khai thác nước,